

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN
GARMEX SAIGON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 86 /CBTT.2020

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2020
HoChiMinh City, April. 22th, 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGĐCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
/GARMEX SAIGON CORPORATION
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District,*
HoChiMinh City
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
 - Fax: 028 - 39844746
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố Báo cáo thường niên năm 2019
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/04/2020
tại đường dẫn : <http://www.garmexsaigon-gmc.com/noi-dung/quan-he-co-dong-384>
This information was disclosed on Company's Portal on date April.22th, 2020 Available at:
<http://www.garmexsaigon-gmc.com/noi-dung/quan-he-co-dong-384>

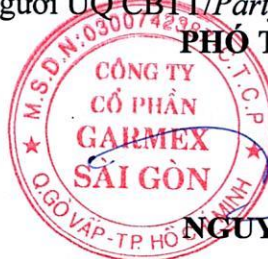
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally
responsible for any misrepresentation.*

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Đại diện tổ chức/ Organization representative
Người UQ CBTT/ Party authorized to disclose information
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG



B Á O C Á O

THƯỜNG NIÊN 2019

“

Sự lựa chọn đáng tin cậy của Nhà đầu tư

”



MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG	5
Thông tin khái quát	6
Quá trình hình thành và phát triển	8
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
Định hướng phát triển	20
Các nhân tố rủi ro	22
PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	26
Toàn cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam	28
Toàn cảnh ngành may mặc	29
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tổ chức và nhân sự	32
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	44
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50
PHẦN 3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019	54
Môi trường kinh doanh 2019	56
Tình hình tài chính	60
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	62
Kế hoạch phát triển trong tương lai	64
Báo cáo phát triển bền vững	66
PHẦN 4. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	72
Đánh giá về tình hình kinh tế thế giới đến Việt Nam	74
Đánh giá về tình hình ngành dệt may năm 2019	75
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm 2019	76
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	77
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	78
PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY	80
Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị	82
Hoạt động của Hội đồng quản trị	
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	87
PHẦN 6. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019	92
Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát	94
Hoạt động của Ban kiểm soát	94
PHẦN 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	100
Báo cáo tài chính	102



PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

- » Thông tin khái quát
- » Quá trình hình thành và phát triển
- » Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- » Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- » Định hướng phát triển
- » Các nhân tố rủi ro

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
- Tên Tiếng Anh: Garmex Saigon Corporation
- Tên viết tắt: Garmex Saigon
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14/02/2020
- Vốn điều lệ: 178.809.280.000 đồng (Theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019: 483.424.966.903 đồng
- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3984 4822
- Số fax: (028) 3984 4746
- Website: www.garmexsaigon-gmc.com
- Email: headoffice@garmexjs.com
- Mã cổ phiếu: GMC

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Công ty được thành lập vào năm 1976 - một năm sau ngày đất nước thống nhất với tên gọi là Liên hiệp Các Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị chủ quản quản lý một số lượng khá lớn các xí nghiệp may xuất khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 213 Hồng Bàng, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 2004

Năm 2004, Garmex Saigon tiến hành cổ phần hóa. Cho đến thời điểm này, Garmex Saigon đang hoạt động với 3 Xí nghiệp trực thuộc gồm: Xí nghiệp May An Nhơn, Xí nghiệp May An Phú và Xí nghiệp May Bình Tiên. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 2012

Năm 2012, Garmex Saigon được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi bật về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1993

Năm 2013, Liên hiệp Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức lại thành Công ty Sản Xuất - Xuất nhập khẩu May Sài Gòn (Garmex Saigon).

Năm 2006

Năm 2006, Garmex Saigon niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán là GMC. Trụ sở chính của Công ty vẫn đặt tại 236/7 (nay đổi lại là 252) Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 2019

Công ty tiếp tục đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp có báo cáo quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Tháng 07/2019, Công ty tăng vốn điều lệ lên 178.809.280.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Ngày 13/11/2019, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp. Số lượng dự kiến phát hành 8.916.157 cổ phiếu, Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành là 267,9 tỷ đồng

Năm 2014

Năm 2014, Garmex Saigon lần thứ 2 được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Hà Nội. Garmex Saigon tiếp tục vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 “Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất”.

Năm 2018

Công ty đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Năm 2013

Năm 2013, Garmex Saigon vinh dự nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do những thành tích đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống của Người Lao Động. Trong năm, Garmex Saigon cũng vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 “Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất”.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Địa bàn kinh doanh

- Sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản

Khách hàng

- Một số khách hàng lớn của Công ty bao gồm: Decathlon (Pháp), Columbia (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Teijin Frontier (Nhật Bản), Sport Master (Nga), Outfits (Đan Mạch)

DECATHLON

Columbia

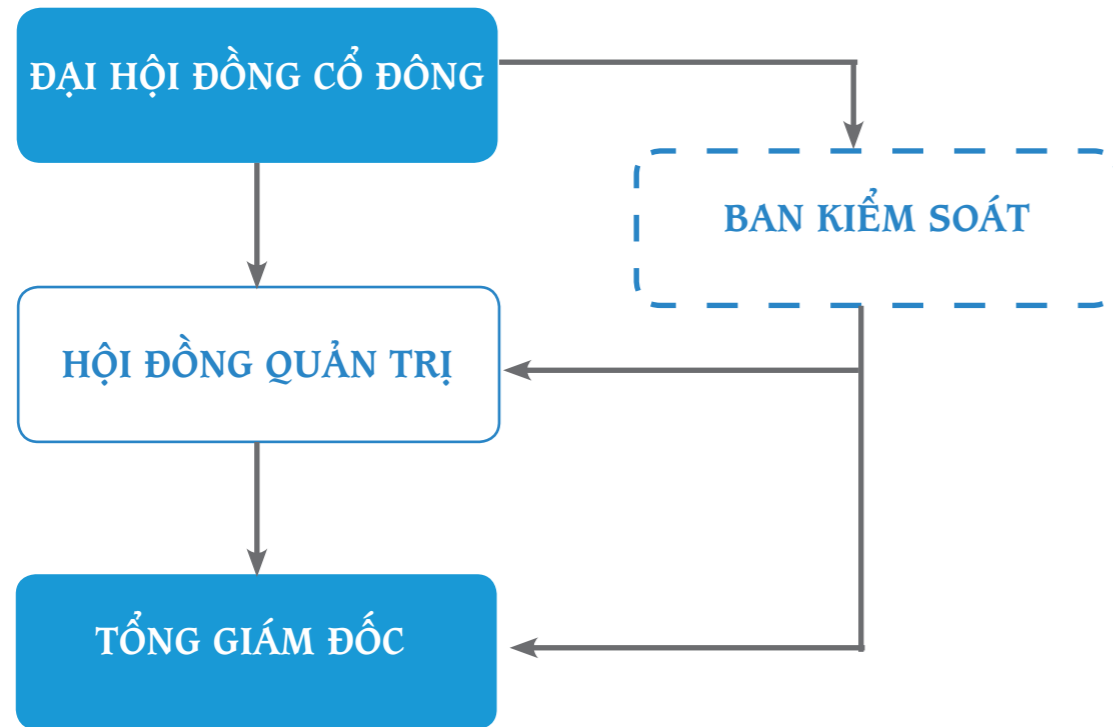
CUTTER & BUCK™

TEIJIN
TEIJIN
Human Chemistry, Human Solutions



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

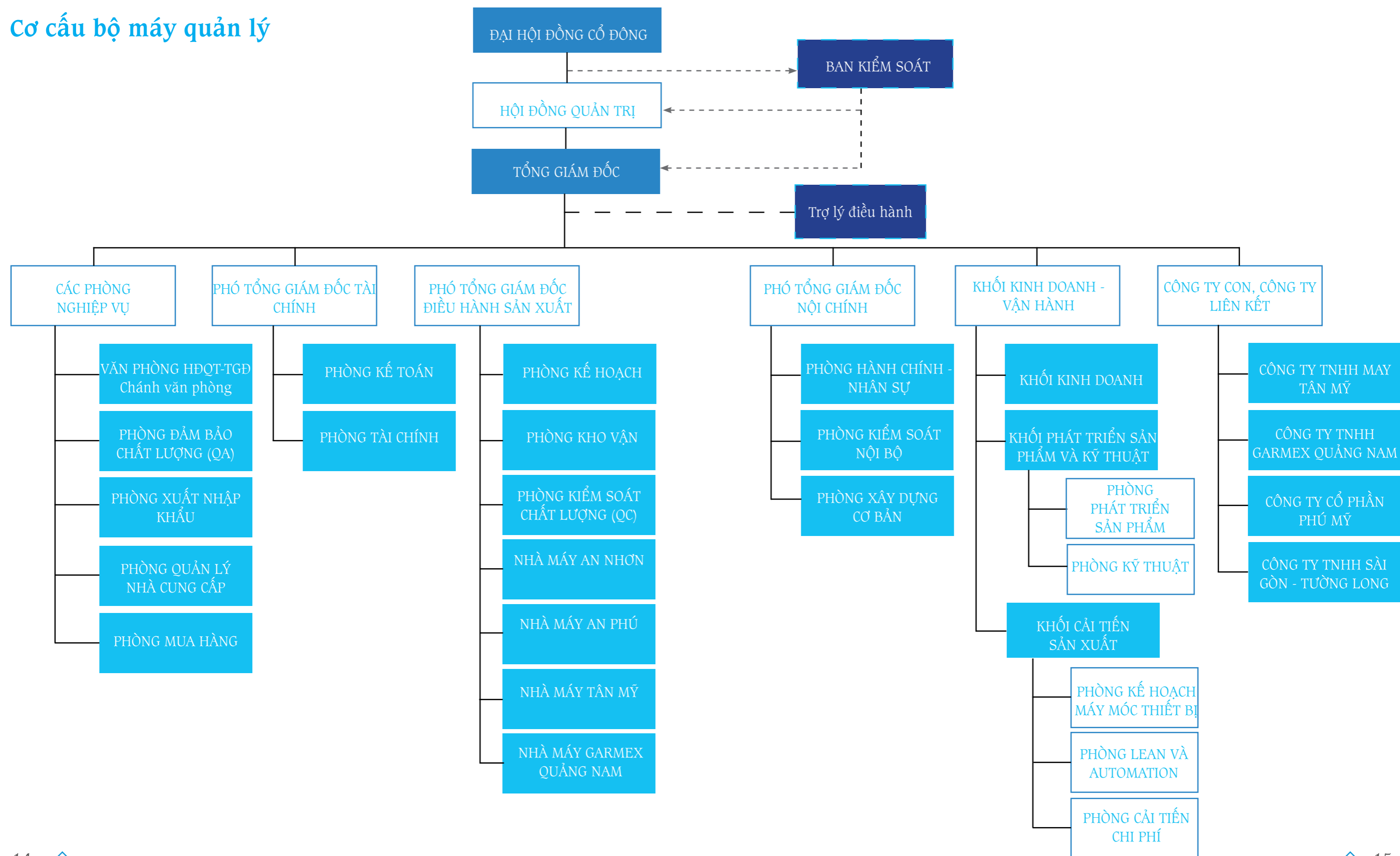
Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty con



CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng May mặc
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển)
- Diện tích: 50.000 m2
- Năng lực sản xuất: 36 chuyên



CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ thực góp: 86.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng May mặc
- Công ty TNHH Garmex Quảng Nam có :



Chi nhánh của CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM: Nhà máy May Garmex Quảng Nam

- Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Đước, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Decathlon (Pháp)
- Diện tích: 26.000 m2
- Năng lực: 30 chuyên

Công ty con Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC) - 100% vốn của Công ty TNHH GARMEX QUẢNG NAM



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN – TƯỜNG LONG

- Địa chỉ: Số 05 Đại Lộ Thống Nhất – Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 51%
- Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán, sản xuất quần áo các loại

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ MỸ

- Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh
- Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm khu công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu: 32,67% vốn điều lệ
- Giá trị đầu tư: 4.341.000.000 VND



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Nhà máy



NHÀ MÁY MAY AN NHƠN

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m²
- Năng lực: 15 chuyên
- Thị trường hủ yếu : Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Teijin Frontier (Nhật Bản), Sport Master (Nga), Outfits (Đan Mạch)



NHÀ MÁY MAY AN PHÚ

- Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m²
- Năng lực: 20 chuyên
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu
- Khách hàng chủ yếu: Decathlon (Pháp), Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Outfits (Đan Mạch)



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Thị trường: Tập trung 100% năng lực phát triển thị trường xuất khẩu; giữ vững uy tín với các khách hàng truyền thống như Mỹ, Pháp, Nhật ...; thắt chặt mối quan hệ hợp tác với khách hàng hiện tại, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các thị trường tiềm năng khác.



Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo tất cả nhân công đều có tay nghề, chuyên môn cao; đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động nhằm hướng đến các sản phẩm chất lượng, có hàm lượng công nghệ cao.



Hệ thống quản lý: Tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất Lean - Thực hiện Lean & Automation, 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Sẵn sóc – Sẵn sàng) cùng chiến lược phát triển 3P (Lao động – Sản phẩm – Giá) nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh.



Năng lực sản xuất: Đầu tư phát triển nguồn nhân lực với phương châm con người là yếu tố cốt lõi hàng đầu kết hợp đầu tư máy móc thiết bị. Hình thức bán hàng theo phương thức FOB đóng vai trò chủ đạo, xây dựng cơ sở, nền tảng hướng đến phương thức ODM (Thiết kế - Sản xuất - Bán hàng).

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển năng lực sản xuất tại các nhà máy lên 150 chuyên may đến năm 2024;
- Hoàn thiện hệ thống quản lý, sản xuất trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực với quan điểm “Đầu tư chiều sâu, giảm thiểu thâm dụng lao động”;
- Nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu với sản phẩm chất lượng có mẫu mã phức tạp, mang yếu tố kỹ thuật cao.



Văn hóa: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với tôn chỉ “Nhân lực là vốn quý”, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng, trợ cấp phù hợp; thúc đẩy công tác đào tạo- tự đào tạo; tất cả CBCNV đều được quan tâm tạo điều kiện phát triển, phát huy tối đa năng lực, môi trường làm việc thân thiện “cùng làm việc – cùng chia sẻ thành công”.

Sản phẩm: Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng và tập trung phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng; kết hợp giữa tay nghề cao của nhân công và công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm chất lượng, mẫu mã đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Đối với môi trường: Công ty luôn ý thức bảo vệ môi trường thông qua công tác giám sát xây dựng và hoàn thiện mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, tránh gây ra ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước; Luôn tuân thủ, chấp hành các quy định, chính sách về môi trường mà nhà nước đã đề ra.

Pháp lý: Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đến hoạt động sản xuất xuất khẩu hàng may mặc của Công ty, đảm bảo thực hiện các cam kết đối với khách hàng và người lao động.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro lãi suất

Năm 2019, FED đã cắt giảm lãi suất 3 lần, hạ lãi suất xuống biên độ 1,5 – 1,75%, hành động này đã tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước trong việc điều hành tỷ giá ổn định trong 6 tháng cuối năm 2019 và tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho việc điều hành tỷ giá trong năm 2020. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức 14% cho năm 2020 nhằm hạn chế tác động bất ổn đến tỷ giá và nền kinh tế.

Tỷ lệ nợ vay Ngân hàng của Công ty chiếm 24% tổng tài sản của Công ty. Đây là đặc thù của ngành sản xuất theo phương thức FOB, dùng vốn vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động lớn của Công ty. Do đó, nhằm hạn chế rủi ro lãi suất ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty, Công ty xây dựng các kế hoạch, phương án sử dụng chi phí sản xuất hợp lý, giảm áp lực đối với vốn lưu động, chi phí lãi vay. Đồng thời, Công ty thường xuyên theo dõi, phân tích thị trường, đánh giá biến động của lãi suất để đưa ra kế hoạch sản xuất phù hợp, đảm bảo ổn định doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro kinh tế

Bước vào năm thứ hai của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, nền kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Kinh tế toàn cầu năm 2019 tăng khoảng 2,9%, thấp hơn 0,8% so với năm 2018. Theo Ngân hàng thế giới (Worldbank), tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2020 dự kiến đạt 2,5%. Dự báo trên sẽ còn hạ xuống nếu các cuộc đàm phán giữa hai cường quốc này không đạt đến thỏa thuận, tiến trình Brexit còn tiếp diễn và tình hình dịch bệnh SARS – COV – 2 kéo dài.

Những bất ổn về chính trị, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, các cải cách về thuế dự kiến sẽ ảnh hưởng xấu tới xu hướng đầu tư toàn cầu. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019 tiếp tục được duy trì ổn định với mức tăng 7,02%, trong đó trị giá xuất khẩu hàng dệt may đạt 39 tỉ USD, tăng 7,55% so với năm 2018. Năm 2019, mặc dù với biến động kinh tế lớn trên thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm nhưng kinh tế Việt Nam vẫn đạt được thành tựu như trên là điều rất đáng khích lệ.

Với hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất xuất khẩu, Garmex Sài Gòn phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế trong và ngoài nước do tác động trực tiếp đến nhu cầu của người tiêu dùng. Vì vậy, Công ty luôn theo dõi, cập nhật tình hình kinh tế, kịp thời đưa ra phương án giải quyết những vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài việc đầu tư máy móc chuyên dụng, Công ty đầu tư Trung tâm thiết kế, chuyển đổi dần phương thức bán hàng sang ODM và OBM nhằm tăng tỷ suất sinh lợi cho Công ty và nắm bắt cơ hội từ các Hiệp định quốc tế như CPTPP và EVFTA.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành

Nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu của ngành dệt may Việt Nam chủ yếu được nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng, chất lượng đầu vào. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu sẽ làm tăng chi phí sản xuất, giảm lợi nhuận kinh doanh khi có biến động về giá nguyên vật liệu đồng thời cũng ảnh hưởng đến thời gian sản xuất của các công ty thuộc ngành dệt may có nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Nguồn doanh thu chính của Công ty đến từ các đơn hàng FOB và nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, do đó rủi ro nguyên vật liệu ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phối hợp với các nhà cung cấp do khách hàng chỉ định, đưa ra kế hoạch cung cấp nguyên liệu cụ thể cho từng đợt đơn hàng. Phối hợp với khách hàng phát triển nhà cung cấp nhằm ổn định và gia tăng nguồn cung ứng. Đồng thời, Công ty còn lên kế hoạch chuyển đổi dần phương thức kinh doanh để chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh ảnh hưởng đến thời gian sản xuất của Công ty.

Nguồn nhân công:

Hơn 50% chi phí của các công ty ngành may mặc là chi phí nhân công do đây là ngành có mức độ sử dụng lao động cao. Năm 2019, Nghị định 90/2019/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được ban hành và có hiệu lực ngày 01/01/2020 cũng ảnh hưởng ít nhiều đến chi phí lao động tại các doanh nghiệp may mặc. Do đó, lợi thế lao động giá rẻ của Việt Nam đã và đang mất dần; thay thế bằng lao động tại các nước Myanmar, Ai Cập, Morocco, Tunisia làm giảm các đơn hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, chất lượng lao động ổn định cũng được quan tâm hàng đầu bởi các yêu cầu của thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe hơn, đòi hỏi nhân công phải có tay nghề cao; ngoài ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thu hút lao động có chuyên môn của các doanh nghiệp ngành may mặc, ảnh hưởng đến nguồn lực, thời gian đào tạo lao động mới, gây khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành dệt may nói chung và Garmex Sài Gòn nói riêng.

Hiện nay, Công ty thực hiện chính sách “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, tăng đầu tư máy móc, thiết bị chuyên dụng, tự động hóa dần trong sản xuất để tránh những rủi ro biến động lao động. Đồng thời, Công ty nâng cao đời sống người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, trợ cấp.

Rủi ro tỷ giá

Năm 2019, tỷ giá USD/VND duy trì ổn định trên dưới 23.000 đồng nhờ vào chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngoại trừ giai đoạn tăng nhẹ vào tháng 05/2019 do bất ổn của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Cuộc chiến này là yếu tố khó lường làm ảnh hưởng tỷ giá USD/VND.

Hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu hàng may mặc và nhập khẩu nguyên vật liệu, Công ty cũng chịu tác động lớn khi có biến động tỷ giá. Do đó, Công ty luôn giao dịch tỷ giá trong ngắn hạn, sử dụng tỷ giá giao ngay khi mua bán ngoại tệ để thanh toán đơn hàng và nhận thanh toán từ khách hàng.

Rủi ro tỷ giá

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty; duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra, luôn chủ động lên kế hoạch phòng ngừa, ứng phó kịp thời.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu hàng may mặc nên Công ty chịu sự chi phối của Luật Quốc tế và các quy định, chính sách đối với ngành dệt may. Bên cạnh đó, Công ty còn bị ảnh hưởng bởi các Bộ luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác. Sự thay đổi về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ngành dệt may và Luật quốc tế đều ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Luật Chứng khoán mới và có hiệu lực ngày 01/01/2021 nhằm cải thiện môi trường, hoàn chỉnh quy chuẩn về các hoạt động trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, hệ thống Việt Nam đang trong giai đoạn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống luật pháp để phù hợp với tình hình thực tại, tạo dựng môi trường kinh doanh văn minh, minh bạch hơn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Để đề phòng sự ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty luôn nắm bắt và cập nhật những quy định mới, đưa ra các thay đổi phù hợp về chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh cho Công ty.





PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- » Toàn cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam
- » Toàn cảnh ngành may mặc
- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- » Tình hình tài chính
- » Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TOÀN CẢNH NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Năm 2019, nền kinh tế toàn cầu phải đối diện với nhiều thách thức, khó khăn, không chỉ từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung mà còn từ tiến trình Brexit và các căng thẳng địa chính trị. Dẫn đến nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại. Nhằm hỗ trợ cho nền kinh tế, FED đã hạ lãi suất 03 lần xuống biên độ 1,5 - 1,75%. Tuy nhiên, tổng kết năm 2019, kinh tế toàn cầu tăng khoảng 2,9%, thấp hơn 0,8% so với năm 2018.

Đi ngược lại bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 7,02%, cao hơn mức mục tiêu do Quốc hội đề ra từ đầu năm (khoảng 6,6-6,8%). Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam có tốc độ tăng trưởng trên 7%.



TOÀN CẢNH NGÀNH MAY MẶC

Sự cạnh tranh giữa các quốc gia dệt may ngày càng gay gắt hơn do cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung kéo dài làm nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc thế giới giảm. Các đơn hàng cũng dần chuyển sang các quốc gia có chi phí nhân công rẻ hơn như: Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ ngành dệt may tại các quốc gia góp phần tăng khả năng cạnh tranh của các quốc gia đó. Điển hình, Ấn Độ đưa ra các cơ chế, thể chế cho phép ngành dệt may của họ đạt được toàn bộ tiềm năng sản xuất, xuất khẩu. Các nhà sản xuất châu Phi nhận được hỗ trợ từ Trung tâm thương mại Quốc tế (ITC) thông qua chương trình dệt may toàn cầu.

Với ngành nghề sử dụng nhiều lao động, lợi thế cạnh tranh về nhân công giá rẻ của Việt Nam trong lĩnh vực may mặc đã và đang dần mất đi, do đó kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng dệt may không đạt như kỳ vọng. Theo Hiệp hội Dệt May Việt Nam, trị giá xuất khẩu hàng dệt may năm 2019 đạt 39 tỷ USD, tăng 7,55% so với năm 2018 nhưng thấp hơn mục tiêu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) đã đề ra (40 tỷ USD). Số lượng mỗi đơn hàng của các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may dè dặt hơn, khách hàng cũng không đặt hàng dài hạn từ 3 - 6 tháng mà mang tính mùa vụ. Lượng đơn hàng quý 4/2019 của nhiều doanh nghiệp chỉ đạt 80% so với cùng kỳ theo báo cáo của Bộ Công Thương.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam khi hoàn thành ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Tuy nhiên, nguyên tắc xuất xứ từ sợi của Hiệp định CPTPP là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp ngành may tại Việt Nam khi phần lớn các nguyên liệu đều nhập khẩu từ Trung Quốc - không nằm trong nội khối CPTPP. Nguyên nhân chủ yếu là do các nguyên liệu trong nước không đáp ứng đủ nguyên vật liệu để sản xuất và các doanh nghiệp may hiện tại của Việt Nam vẫn chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào.



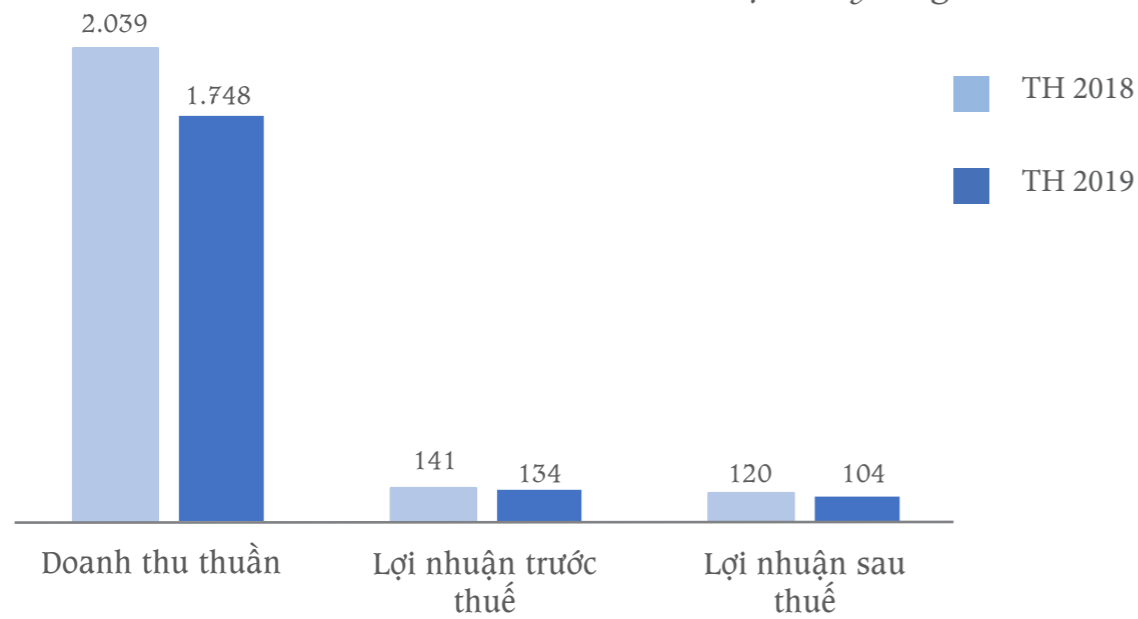
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	Tỷ lệ Tăng/ Giảm 2019 so với 2018
1	Doanh thu thuần	2.038.901	1.747.771	-14,28%
2	Giá vốn hàng bán	1.675.340	1.454.755	-13,17%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	17.133	6.804	-60,29%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	242.085	162.808	-32,75%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	138.900	137.011	-1,36%
6	Lợi nhuận khác	2.562	-2.146	-183,76%
7	Lợi nhuận trước thuế	141.462	134.865	-4,66%
8	Lợi nhuận sau thuế	120.399	104.449	-13,25%
9	Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	6.782	5.858	-13,62%

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: tỷ đồng



Ngoài cạnh tranh với các nước có chi phí nhân công rẻ, Công ty còn phải đối diện với biến động lao động lành nghề do các Công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thu hút. Đứng trước khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty nỗ lực cố gắng xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác nhân ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như:

- Công ty đánh giá, cơ cấu lại tổ chức hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, tạo nền tảng và cơ sở cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả hơn.

- Các quy trình sản xuất đã được cải tiến, hệ thống quản lý chất lượng dần hoàn thiện góp phần làm giảm chi phí trong sản xuất của Garmex Sài Gòn.
- Quản lý tốt chuỗi cung ứng; xây dựng, cập nhật các kế hoạch, phương án phù hợp cho từng đơn hàng nhằm quản lý tiêu hao nguyên phụ liệu, cung ứng kịp thời, giảm thời gian chờ việc, gián đoạn trong sản xuất.

Trong năm 2019, Doanh thu thuần đạt 1.748 tỷ đồng, giảm 14,28% và lợi nhuận trước thuế là 135 tỷ đồng, giảm 4,66% so với năm 2018. Trong đó, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt gần 137 tỷ đồng, chỉ giảm 1,36% so với năm 2018.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ KH 2019	Tỷ lệ Tăng/ Giảm 2019 so với 2018
Doanh thu thuần	1.605.048	2.038.901	1.900.000	1.747.771	91,99%	-14,28%
Lợi nhuận trước thuế	74.811	141.462	78.000	134.865	172,90%	-4,66%
Tỷ lệ LNTT/DTT (%)	4,66%	6,94%	4,11%	7,72%	187,96%	11,22%
Cổ tức/VĐL (%)	30%	30%	20% - 30%	-	-	-

Năm 2019 là một năm đầy khó khăn cho ngành dệt may trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Đứng trước những thách thức, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty không ngừng nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm. Kết quả, doanh thu thuần đạt gần 1.748 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt gần 135 tỷ đồng. Tuy kết quả kinh doanh giảm so với năm 2018 nhưng đáng chú ý hơn cả là Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 72,90%. Đạt được kết quả này là do Ban lãnh đạo có những giải pháp kịp thời từ cơ cấu lại các bộ phận, phòng ban đến quản lý tốt chuỗi cung ứng và tiết kiệm chi phí.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ(*)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	2.827.222 CP	15,81%	Đại diện sở hữu của Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
			836.130 CP	4,68%	Đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	2.709.031 CP	15,15%	Đại diện sở hữu của Cty cổ phần Đầu tư T.TA
3	Ông Lê Hùng	Thành viên	0 CP	0,00%	
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	0 CP	0,00%	
5	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	18.479 CP	0,10%	Sở hữu cá nhân
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	45.183 CP	0,25%	Sở hữu cá nhân
			940.596 CP	5,26%	Sở hữu cá nhân
7	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	502.331 CP	2,81%	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tân Á
			502.331 CP	2,81%	Đại diện sở hữu của TNHH Thương mại Á Châu

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ(*)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban	4.531 CP	0,03%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	4.531 CP	0,03%
3	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 CP	0,00%

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ(*)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Lê Hùng	Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0,00%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	45.183 cổ phần	0,25%
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	18.479 cổ phần	0,10%
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0,00%

(*) Số lượng cổ phần nắm giữ cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 03/12/2019



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch nhân sự

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÙI TUẤN NGỌC Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 21/02/1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Cử nhân Kinh tế ngoại thương

Quá trình công tác:

- 1988 – 1992: Cán bộ Xí nghiệp XDCB SEAPRODEX – Bộ Thủy sản
- 1992 – 1993: Cán bộ tại liên hiệp DVSXTM TP. Hồ Chí Minh
- 1993 – 1994: Cán bộ tại TT TM LD Việt – Xô TP. HCM (ROSVIETIMPEX)
- 04/2008 – nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex
- 2009 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt
- 2012 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần In và Thương mại Vina
- 07/2016 - nay: Phó chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
- 05/12/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Transimex (TMS)
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần In và Thương mại (VPR)
- Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX)
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Thiên Hải

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt 836.130 cổ phần, chiếm 4,68% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải: 2.827.222 cổ phần, chiếm 15,81% vốn điều lệ

LÊ HÙNG Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 24/08/1974

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 05/2010 - 04/2011: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 04/2011 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (GIL)
- Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Dệt May Gia Định (GID)

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu

BÙI MINH TUẤN Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 28/02/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 2002 – 2013: Giám đốc tại Công ty TNHH Đầu tư Đất Mới
- 2007 – nay: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- 2013 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex
- 07/2016 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
- 05/2017 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần In và Thương mại
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex (TMS)
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX)
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần In và Thương mại (VPR)
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu của Công ty cổ phần đầu tư T.T.A : 2.709.031 cổ phiếu chiếm 15,15% vốn điều lệ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 27/10/1976

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế - chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế (FCCA)

Quá trình công tác:

- 1998 – 2002: Kiểm toán viên cao cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế KPMG
- 2003 – 2004: Trưởng phòng kế toán quản trị tại công ty TNHH Unilever Bestfoods Vietnam
- 2004 – 2006: Giám đốc Đầu tư tại Công ty VinaCapital Investment Management Ltd
- 2006 – 2012: Phó Giám Đốc Điều hành tại Công ty VinaCapital Corporate Finance VN Co.,Ltd
- 2012 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)
- Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Dệt may Gia Định (GID)

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu

LÂM TỬ THANH Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 31/05/1958

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1992 - nay: Giám đốc Công ty TNHH TM Á Châu
- 1995 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Tấn Á
- 05/2009 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn (NSG)

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 940.596 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH TM Á Châu: 502.331 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tấn Á: 502.331 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ

NGUYỄN MINH HẰNG Thành viên HĐQT, Phó TGD, GD tài chính

Ngày tháng năm sinh: 18/06/1977

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1999 – 01/2004: Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn;
- 01/2004 – 12/2006: Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 01/2007 – 02/2008: Phó phòng Kế toán Thống kê Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 03/2008 – 5/2009: Trưởng phòng kế toán Thống kê Công ty Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 06/2009 – 03/2014: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 04/2014 – 02/2015: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 03/2015 – 31/07/2018: Đảng ủy viên, giám đốc Tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- 01/08/2018 - nay: Đảng ủy viên, Giám đốc tài chính, phó tổng giám đốc phụ trách Tài chính và Đầu tư Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
- 05/12/2018 – Nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 18.479 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**NGUYỄN THỊ
THU HƯƠNG**
Thành viên HĐQT,
Phó TGD

Ngày tháng năm sinh: 12/01/1965

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế (Ngành Quản trị)

Quá trình công tác:

- 01/1987 – 07/1987: Công nhân May Xí nghiệp may Sài Gòn 1
- 08/1987 – 03/1993: Bí thư Đoàn Thanh niên chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK may Sài Gòn
- 04/1993 – 04/2000: Bí Thư Đoàn TN kiêm Nhân Viên LĐTL, kiêm Phó Quản Đốc Xí Nghiệp May Garmex 1
- 05/2000 – 03/2002: Phó phòng TCHC Xí Nghiệp May Garmex 1
- 03/2002 – 12/2003: Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp may Garmex 1
- 01/2004 – 04/2009: Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex An Nhơn
- 05/2009 – 05/2010: Ủy viên thường vụ Đảng Ủy, Phó Chủ Tịch Công đoàn Công ty, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính kiêm trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
- 06/2010 – 31/12/2019: Bí thư Đảng ủy, Phó chủ tịch Công ty đoàn Công đoàn Công ty, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 45.183 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ

BAN KIỂM SOÁT

PHAN THỊ PHƯƠNG
Trưởng BKS

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1969

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 07/1991 – 08/1992: Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp Thủy tinh thuộc Bộ Công nghiệp
- 08/1992 – 08/1998: Nhân viên Kế toán Dệt May Gia Định
- 08/1998 – 05/01/1999: Phó Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 05/1999 – 11/2001: Phó Phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 11/2001 – 12/2004: Trưởng Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 12/2004 – 10/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 11/2010 – 05/08/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 06/08/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dệt may Gia Định
- 05/12/2018 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết (BBT)
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Wec Sài Gòn (GiayDepWEC)
- Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dệt may Gia Định

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 4.531 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN KIỂM SOÁT

TỪ VĨ TRÍ Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh: 20/01/1961

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế (Tài chính doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh)

Quá trình công tác:

- 2003 – 2006: Chuyên viên Tín dụng Ngân hàng Đông Á
- 2006 – 2007: Chuyên viên khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng Quốc tế VN (VIB)
- 2007 – 2012: Chuyên viên Phân tích, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- 2012 – 2015: Chuyên viên Phân tích Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Chứng khoán Đông Á
- 2015 – 2016: Phó Phòng Phân tích Công ty chứng khoán KIS VN
- 2016 – 2017: Chuyên viên Nghiên cứu phát triển chiến lược CTCP Tập đoàn Hoa Sen
- 2017 – nay: Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính CTCP Transimex
- 05/12/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty Cổ phần Transimex (TMS)

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

LÊ THỊ CHÍN Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1970

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế (Tài chính Doanh Nghiệp)

Quá trình công tác:

- 1992 - nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Á Châu và Công ty TNHH Nhựa Nam Á
- 05/12/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay:

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Á Châu và Công ty TNHH Nhựa Nam Á

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 4.531 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

BAN ĐIỀU HÀNH

Thông tin của các thành viên Ban Điều hành gồm:

- Lê Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Nguyễn Minh Hằng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
- Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (Đã được trình bày ở phần Hội đồng quản trị)
- Nguyễn Thị Thu Hà - Phó Tổng Giám đốc (Sơ yếu lý lịch được trình bày ở bên dưới)

NGUYỄN THỊ THU HÀ Phó TGD

Ngày tháng năm sinh: 10/08/1963

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 03/1985 – 11/1993: Nhân viên Kế toán ngân sách UBND Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 11/1995 – 03/2001: Phó Bí Thư Đảng ủy – Chủ tịch UBND Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 04/2001 – 12/2001: Quận ủy viên – Bí Thư Đảng ủy Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 01/2002 – 04/2003: quận ủy viên – Trưởng phòng Kinh tế Quận Bình Thạnh
- 05/2003 – 12/2004: Quận ủy viên – Chánh văn phòng HĐND – UBND quận Bình Thạnh
- 12/2004 – 09/2009: Ủy viên Ban thường vụ Quận ủy – Phó Chủ tịch UBND Quận bình Thạnh kiêm Bí Thư Đảng ủy Khối cơ quan UBND quận Bình Thạnh
- 10/2009 – 07/2014: Phó Bí Thư Quận ủy – Chủ tịch UBND Quận Bình Thạnh
- 07/2014 – 08/2018: Bí Thư Quận ủy Bình Thạnh
- 09/2018 – 24/03/2019: Nghỉ hưu
- 25/03/2019 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành

Ngày 25/03/2019, Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc nội chính Công ty theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/NQ-HĐQT/2019.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu lao động

Tổng số lao động Công ty gồm 3.773 người, cơ cấu như sau:

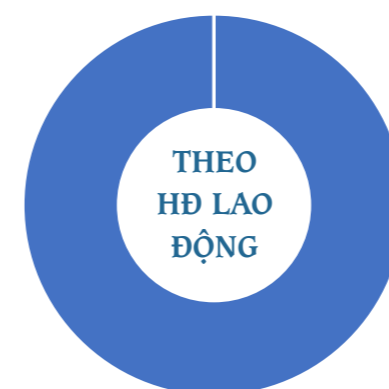
STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ trọng
I	Theo giới tính:	3.773	100,00%
1	Nam	919	25,79%
2	Nữ	2.854	74,21%
II	Theo hợp đồng lao động:	3.773	100,00%
1	Toàn thời gian	3.773	100%
2	Bán thời gian	-	-
III	Theo trình độ:	3.773	100,00%
1	Đại học	162	4,3%
2	Cao đẳng	113	3,0%
3	Phổ thông	3.498	92,7%



Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc, Công ty sử dụng nguồn nhân lực lớn. Do đó, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng cho việc phát triển Công ty bền vững. Để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định về số lượng lẫn chất lượng, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến các chính sách lao động. Với quan điểm “lao động là vốn quý”, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra và thực hiện các công việc sau nhằm cải thiện môi trường làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động:



■ Nam ■ Nữ



■ Toàn thời gian ■ Bán thời gian



■ Đại học ■ Cao đẳng ■ Phổ thông

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và thoải mái thông qua cải tiến quy trình trong sản xuất “LEAN and AUTOMATION” từ Công ty đến Nhà máy;
- Xây dựng kế hoạch, phương án ổn định đơn hàng nhằm giảm tâm lý chờ việc của nhân công;
- Đánh giá định kỳ công việc của từng người lao động dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (skill matrix), đánh giá thành quả công việc (KPI) nhằm xác định chính xác, công bằng về vị trí bổ nhiệm, xét duyệt tăng lương, thưởng cho từng vị trí đang chịu trách nhiệm;
- Thúc đẩy công tác đào tạo, tự đào tạo; tạo điều kiện để phát triển, phát huy tối đa năng lực CBCNV.
- Thực hiện đúng quy định về tham gia bảo hiểm cho từng người lao động;
- Cải thiện các chính sách lương, thưởng và trợ cấp phù hợp, thu nhập xứng đáng với tâm sức đóng góp của người lao động, đảm bảo an sinh cho người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư dự án: Trong năm công ty không thực hiện việc đầu tư mở rộng mới.

Đầu tư vào công ty con

CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 15.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD Công ty TNHH May Tân Mỹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2019 so với 2018
1	Doanh thu thuần	151.444	93.724	-38,11%
2	Giá vốn hàng bán	114.442	83.117	-27,37%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	105	16	-84,76%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	31.527	25.717	-18,43%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.580	-15.094	-
6	Lợi nhuận khác	144	-170	-
7	Lợi nhuận trước thuế	5.725	-15.264	-
8	Lợi nhuận sau thuế	5.289	-15.264	-

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN – TƯỜNG LONG

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 1.700.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long năm 2019 : Trong năm 2019 , tạm ngưng kinh doanh và thu hồi công nợ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2019 so với 2018
1	Tổng tài sản	427	395	-7,49%
2	Doanh thu thuần	1.099	0	-100,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	-1.097	-32	-

CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 86.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam đầu tư góp vốn 100% vốn vào Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC)
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2019 so với 2018
1	Doanh thu thuần	232.616	103.793	-55,38%
2	Giá vốn hàng bán	182.206	91.266	-49,91%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	4	50	1150,00%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	30.789	9.807	-68,15%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.626	2.770	-85,89%
6	Lợi nhuận khác	43	-2.114	-
7	Lợi nhuận trước thuế	19.669	655	-96,67%
8	Lợi nhuận sau thuế	17.230	1.256	-92,71%

Đầu tư vào công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ MỸ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 4.341.000.000 VNĐ – Tỷ lệ sở hữu: 32,67% vốn điều lệ.

Các khoản đầu tư tài chính

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

- Số cổ phần: 207.701 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 3.998.050.000 VNĐ (trích lập dự phòng khoản đầu tư: 2.959.545.000 VNĐ)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Số cổ phần: 25.266 cổ phần.
- Giá trị gốc đầu tư: 1.269.730.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐỊNH

- Số cổ phần: 843.950 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 10.127.400.000 VNĐ

Thay đổi tình hình đầu tư tài chính: Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2019 so với 2018
1	Tổng giá trị tài sản	1.010.674	1.028.988	1,81%
2	Doanh thu thuần	2.038.901	1.747.771	-14,28%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	138.900	137.011	-1,36%
4	Lợi nhuận khác	2.562	-2.146	-183,76%
5	Lợi nhuận trước thuế	141.462	134.865	-4,66%
6	Lợi nhuận sau thuế	120.399	104.449	-13,25%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	20 – 30%	-

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

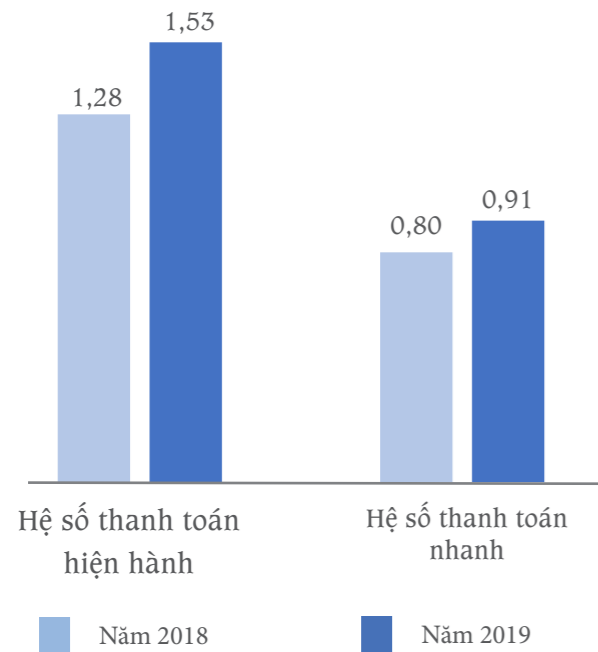
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,53
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,80	0,91
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,34	53,02
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	165,55	112,85
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,00	4,68
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,13	1,71
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,91	5,98
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	34,36	24,18
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	12,55	10,24
4	Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,80	7,84



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

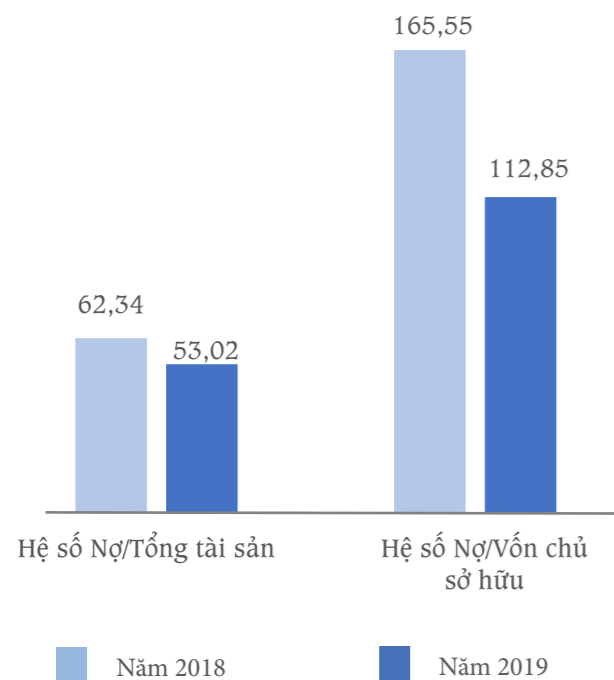
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: lần



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Đơn vị tính: %



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm vừa qua, Công ty chủ động thanh toán đầy đủ các khoản nợ và kịp thời cân đối cơ cấu tài sản – nguồn vốn nhằm duy trì tốt khả năng thanh toán và tính thanh khoản. Do đó, các chỉ số thanh toán của Công ty cải thiện rõ rệt. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,53 lần, tăng 19,68% so với mức 1,28 lần của năm 2018; hệ số thanh toán nhanh đạt mức 0,91 lần, tăng so với mức 0,80 lần của năm 2018. So với các doanh nghiệp cùng ngành, khả năng thanh toán của Garmex Sài Gòn đang ở mức cao.

Sự tăng trưởng của các hệ số này là nhờ vào việc ghi nhận tăng khoản tiền gửi ngân hàng và hàng tồn kho. Trong năm, Công ty triển khai thực hiện chính sách thu hồi công nợ từ các khách hàng nhằm hạn chế việc bị bị lạm dụng vốn lưu động, dẫn đến chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khách hàng giảm và tiền gửi ngân hàng tăng. Bên cạnh đó, hàng tồn kho tăng chủ yếu từ nguyên phụ liệu tăng do công tác chuẩn bị nguyên phụ liệu để đáp ứng đủ các đơn hàng hoàn thành vào những tháng đầu năm 2020 của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất theo đơn hàng nên nhu cầu về vốn lưu động lớn và được tài trợ chủ yếu từ nợ vay. Tuy nhiên, năm 2019 nhằm giảm bớt áp lực về chi phí lãi vay, Công ty đã cơ cấu lại tình hình tài chính thông qua việc thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn đến hạn và các khoản nợ vay dài hạn; từ đó góp phần làm giảm nợ phải trả từ 630,08 tỷ đồng vào năm 2018 xuống còn 545,56 tỷ đồng vào năm 2019. Do đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2018, lần lượt đạt 53,02% và 112,85%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

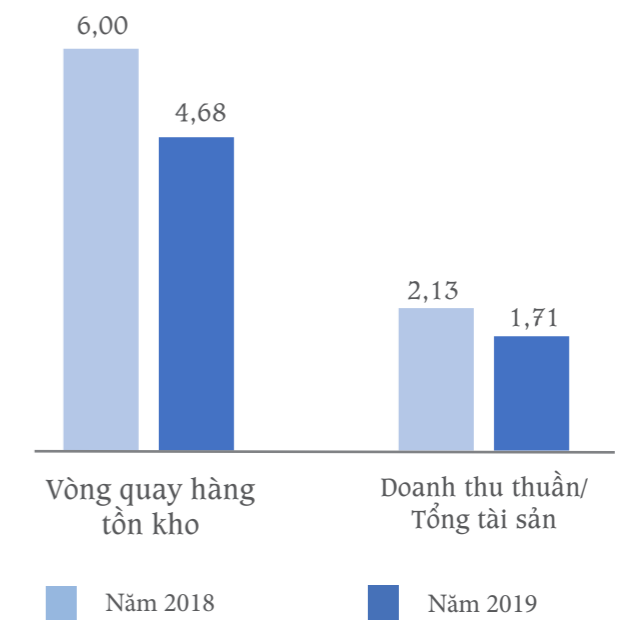
Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp ngành may mặc tại thị trường trong và ngoài nước đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, chi phí lao động giá rẻ của Việt Nam đã mất dần lợi thế cạnh tranh, nên nhiều đơn hàng đã chuyển dịch về các nước có chi phí lao động cạnh tranh hơn như Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ và các nước châu Phi; tình hình hàng tồn kho của khách hàng tuy đã được cải thiện nhưng chưa có những chuyển biến tích cực, từ đó làm giảm đơn hàng của Việt Nam nói chung cũng như Garmex Sài Gòn nói riêng, làm doanh thu thuần giảm 14,28% còn 1.748 tỷ đồng và giá vốn hàng bán giảm xuống mức 1.455 tỷ đồng vào năm 2019.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi

Do ảnh hưởng từ khó khăn chung của ngành, các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi như hiệu suất sinh lợi ROA, ROE của Công ty đều giảm nhẹ. Cụ thể hiệu suất sinh lợi ROE đạt 24,18%, giảm so với mức 34,36% của năm 2018; hiệu suất sinh lợi ROA cũng giảm xuống mức 10,24% vào năm 2019. Tuy nhiên, hai hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần đều tăng, cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi đạt hiệu quả hơn. Mức tăng trưởng này là nhờ vào các chính sách, biện pháp triển khai trong năm như cải thiện quy trình sản xuất, tổ chức lại các phòng ban nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao năng suất lao động và cơ cấu lại tình hình tài chính theo hướng giảm áp lực về chi phí lãi vay.

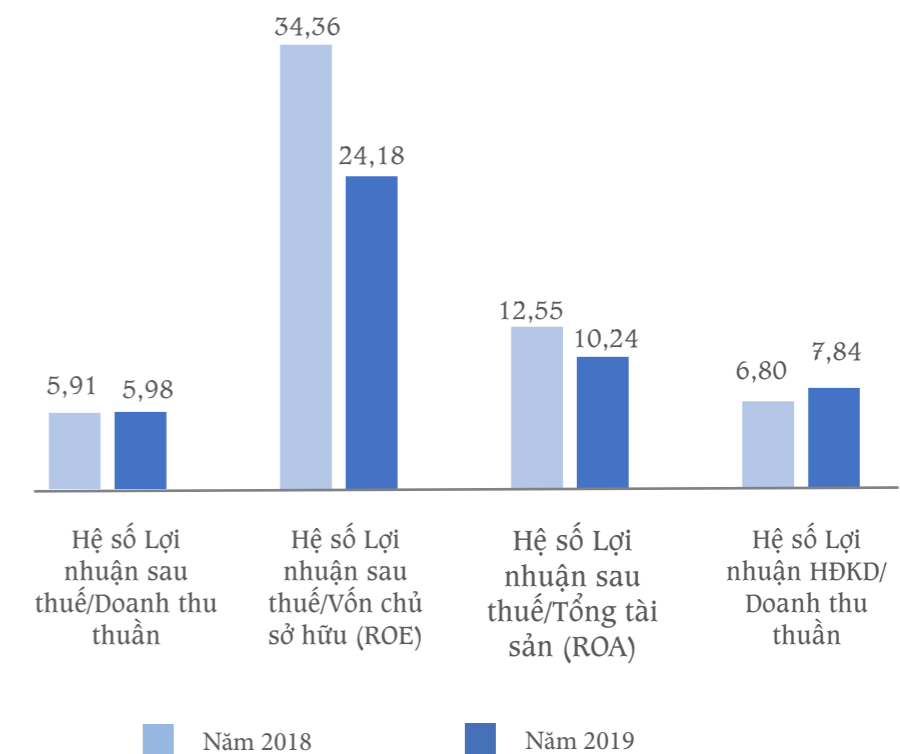
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: vòng



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Đơn vị tính: %



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

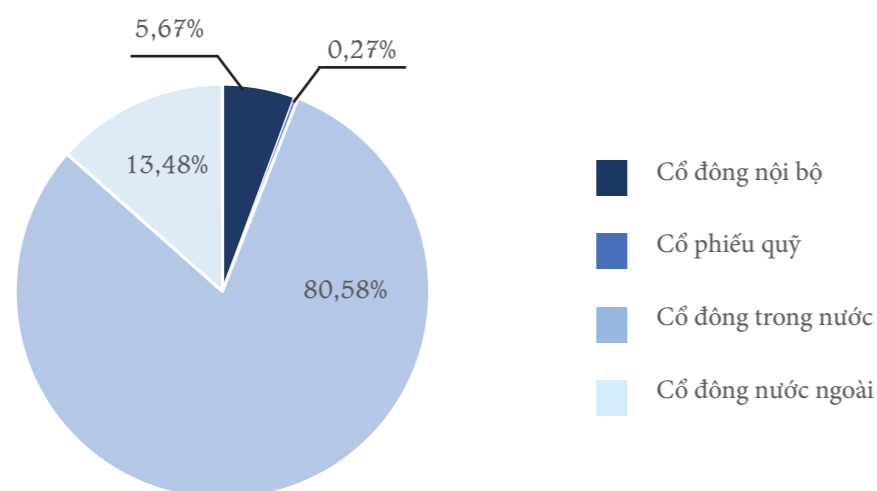
Thông tin cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2019:

- Tổng số cổ phiếu phát hành: 17.880.928 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 49.260 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 17.831.668 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

Cơ cấu cổ đông (Cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 03/12/2019)

Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu:

STT	Đối tượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Người nội bộ	1.013.367	1.013.367	5,67%
II	Cổ phiếu quỹ	49.260	49.260	0,27%
III	Cổ đông khác	16.818.301	16.818.301	94,06%
1	Trong nước	14.408.048	14.408.048	80,58%
1.1	Cá nhân	2.498.742	2.498.742	13,97%
1.2	Tổ chức	11.909.306	11.909.306	66,60%
2	Nước ngoài	2.410.253	2.410.253	13,48%
2.1	Cá nhân	1.184.138	1.184.138	6,62%
2.1	Tổ chức	1.226.115	1.226.115	6,86%
TỔNG CỘNG		17.880.928	17.880.928	100%



Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông lớn	Số ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu(*)	Tỷ lệ (%)
I Cổ đông lớn						
1	Công ty cổ phần đầu tư T.T.A	0315279901	25/01/2019	Tầng 2, Hà Đô Airport Building, Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	2.709.031	15,15%
2	Công ty cổ Phần Dệt May Gia Định	0300744507	05/08/2016	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	1.799.042	10,06%
3	Công Ty cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	3300101484	10/01/2017	93 An Dương Vương, P. An Đông, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	2.118.419	11,85%
II Nhóm cổ đông lớn						
	Lâm Tử Thanh	21841229	19/07/1996	186 Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Tp,HCM	1.945.258	10,88%
	Sở hữu cá nhân				940.596	5,26%
1	Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu	46810	27/01/1992	6 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, Tp.HCM	502.331	2,81%
	Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á	49523	22/04/2001	90 Quốc lộ 1A Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, Long An,	502.331	2,81%
	Bùi Tuấn Ngọc	001065013640	15/06/2018	Số 6 Đặng Tắt, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	3.663.352	20,49%
	Sở hữu cá nhân				-	-
2	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	01/04/2010	56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TpHCM	2.827.222	15,81%
	Đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	0309587030	19/11/2009	56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	836.130	4,68%
TỔNG CỘNG					12.235.102	68,43%

(*) Số lượng cổ phiếu cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 03/12/2019

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ là 15%, tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	155.556.200.000	23.253.080.000	178.809.280.000
2	Số lượng cổ phiếu quỹ (VNĐ)	(863.138.686)	-	(863.138.686)
3	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	28.314.942.370	-	28.314.942.370

Sự kiện kết thúc sau niên độ: Ngày 14/01/2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với kết quả như sau:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Giá bán : 15.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến : 8.916.157 cổ phiếu
- Hình thức : Chào bán ra công chúng - tỷ lệ 2:1
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến : 89.161.570.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối : 8.915.437 cổ phiếu, chiếm 99,99% tổng số cổ phiếu được phép phát hành
- Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu : 133.731.555.000 đồng
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Trong năm, Công ty không phát sinh bất cứ giao dịch chứng khoán nào.





PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019

- » Môi trường kinh doanh 2019
- » Tình hình tài chính
- » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai
- » Báo cáo phát triển bền vững

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2019



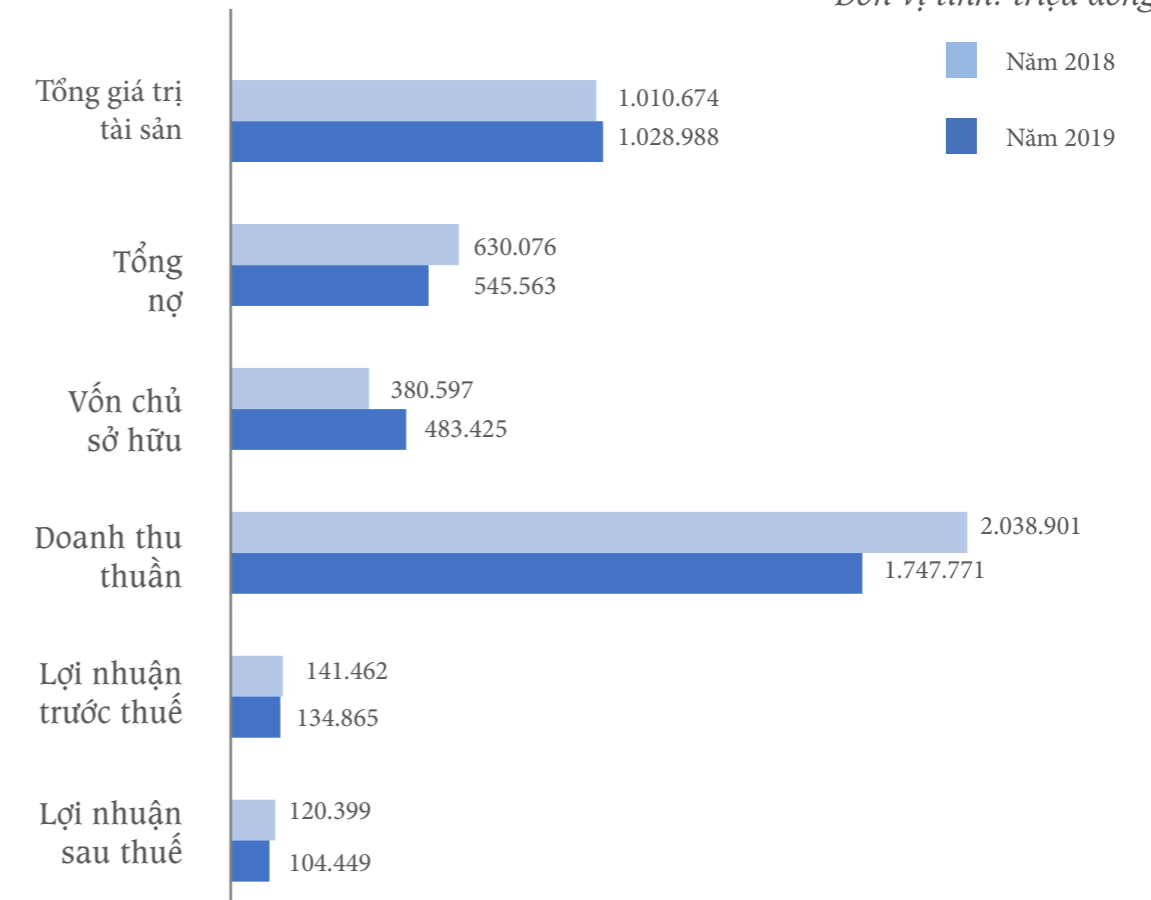
Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng chậm, ngành may mặc gặp khó khăn từ cạnh tranh chi phí lao động, giá bán giảm, đơn hàng giảm, Ban lãnh đạo cùng với cán bộ công nhân viên từng bộ phận, phòng ban phối hợp, thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Trong năm 2019, hoạt động sản xuất của Công ty đạt được các kết quả sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2019 so với 2018
1	Tổng giá trị tài sản	1.010.674	1.028.988	1,81%
2	Tài sản ngắn hạn	778.442	820.453	5,40%
3	Hàng tồn kho	291.442	330.557	13,42%
4	Tổng nợ	630.076	545.563	-13,41%
5	Nợ ngắn hạn	609.381	535.594	-12,11%
6	Vốn chủ sở hữu	380.597	483.425	27,02%
7	Doanh thu thuần	2.038.901	1.747.771	-14,28%
8	Lợi nhuận trước thuế	141.462	134.865	-4,66%
9	Lợi nhuận sau thuế	120.399	104.449	-13,25%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng



Để đạt được kết quả trên, Hội đồng quản trị chỉ đạo, phối hợp, trao đổi với Ban lãnh đạo đánh giá, phân tích thị trường, đưa ra các giải pháp duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, thể hiện qua:

- Công tác thực hiện, triển khai mô hình LEAN kết hợp hệ thống quản lý 5S trên toàn hệ thống Công ty và Nhà máy;
- Đẩy mạnh đầu tư các thiết bị, máy móc chuyên dụng; đánh giá và bảo trì, bảo dưỡng máy móc thường xuyên nhằm mang đến năng suất cao trong sản xuất;
- Điều chỉnh các chính sách lao động theo hướng nâng cao đời sống nhân công, phù hợp với văn hóa công ty – xem “lao động là vốn quý”;
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật khối lượng đơn hàng, thời gian hoàn thành, đưa ra kế hoạch quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả, quản lý tiêu hao nguyên vật liệu, cung ứng kịp thời, tránh gián đoạn sản xuất.



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2019

Doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu xuất khẩu	1.571.597	2.020.718	1.739.338
2	Doanh thu nội địa	33.451	18.183	8.433
3	Doanh thu hoạt động tài chính	5.630	17.133	6.804
4	Thu nhập khác	14.826	2.913	1.372
Tổng doanh thu		1.625.504	2.058.947	1.755.946

Diễn biến phức tạp của thương chiến Mỹ - Trung khiến nhu cầu về sản phẩm may mặc toàn cầu giảm đáng kể và Việt Nam - một trong số những quốc gia chuyên xuất khẩu hàng may mặc - cũng không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng. Đồng thời, sự khan hiếm đơn hàng đã đẩy mức độ cạnh tranh trong ngành và quyền thương lượng của người mua lên cao, gây ra áp lực giảm giá bán. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho doanh thu không đạt được kế hoạch đề ra.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ xuất khẩu vẫn duy trì tỷ trọng cao. Ngoài việc giữ vững uy tín và duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng truyền thống, Công ty thường xuyên tìm kiếm các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa danh mục khách hàng, nâng cao vị thế của doanh nghiệp với khách hàng, từng bước mở rộng thị phần của mình trên thị trường thế giới.

Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ Tăng/ Giảm 2019 so với 2018
1	Giá vốn hàng bán	1.344.066	1.675.340	1.454.755	-13,17%
2	Chi phí tài chính	12.263	22.523	12.769	-43,31%
3	Chi phí bán hàng	50.536	63.350	21.114	-66,67%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	141.830	156.212	128.926	-17,47%
5	Chi phí khác	1.999	351	3.517	901,99%

Trước bối cảnh khó khăn của ngành, Công ty thực hiện các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động, tăng lợi nhuận Công ty, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Đáng chú ý là chi phí tài chính và chi phí bán hàng giảm đáng kể, đạt lần lượt là 12,77 tỷ đồng và 21,11 tỷ đồng vào năm 2019, tương đương giảm 43,31% và 66,67% so với năm 2018. Nguyên nhân là do trong năm Công ty hoàn trả các khoản nợ vay dài hạn và thanh toán dần các khoản nợ ngắn hạn đáo hạn nhằm giảm áp lực lãi vay lên tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Ngoài ra, Công ty đã lên kế hoạch và thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan đến phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tới.



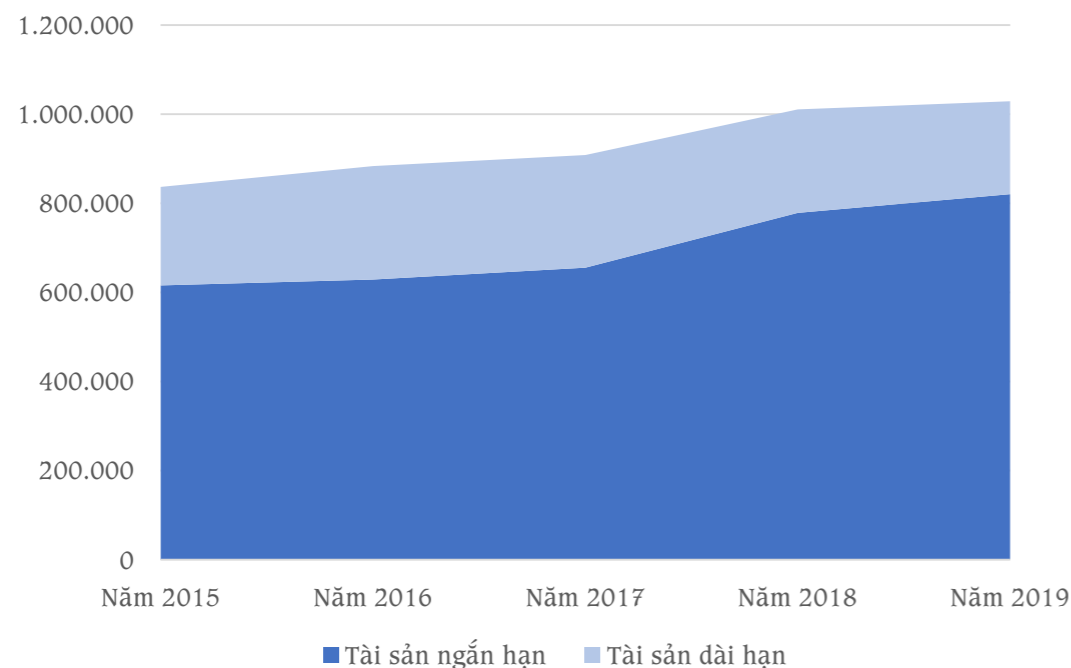
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tài sản ngắn hạn	615.644	628.853	655.451	778.442	820.453
2	Tài sản dài hạn	221.070	254.615	252.833	232.231	208.535
	Tổng tài sản	836.714	883.468	908.284	1.010.674	1.028.988

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA TÀI SẢN



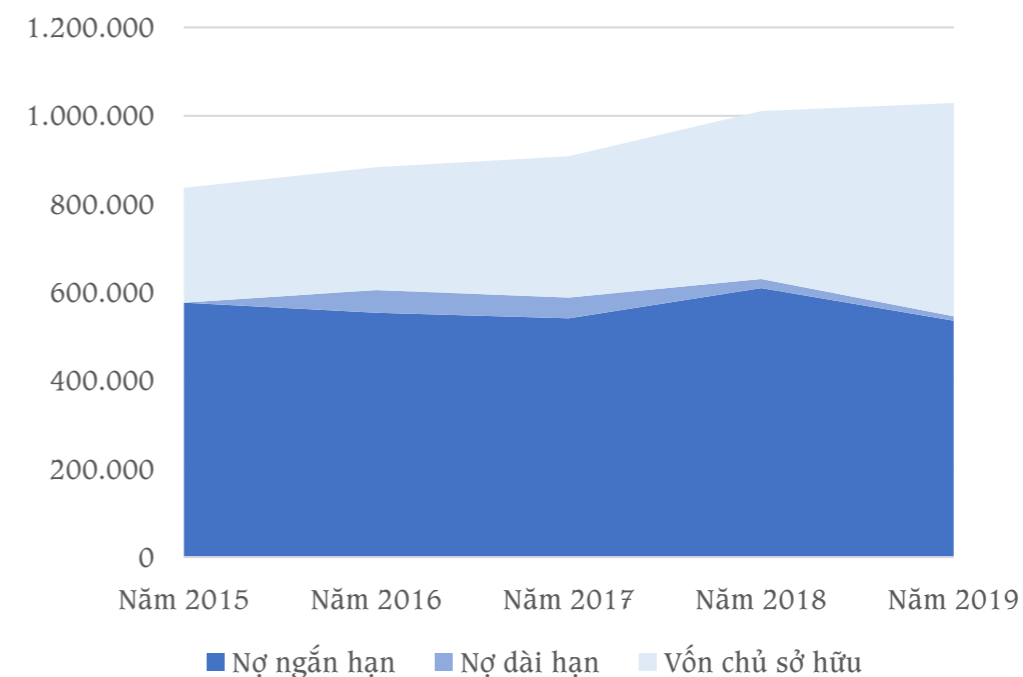
Công tác quản lý công nợ được theo dõi sát sao các khoản công nợ được thu hồi hầu hết đúng hạn tạo dòng tiền tương đối ổn định. Tiền gửi ngân hàng tăng từ 125,88 tỷ đồng cuối năm 2018 lên 213,90 tỷ đồng vào cuối năm 2019. Bên cạnh đó, cuối năm là thời điểm doanh nghiệp ngành may mặc dự trữ nguyên phụ liệu để phục vụ sản xuất sớm cho đơn hàng đầu năm 2020, nên hàng tồn kho của Công ty đạt 330,56 tỷ đồng, tăng 13,42% so với năm 2018. Từ đó làm tài sản ngắn hạn tăng 5,4% so với năm 2018 và đạt 820,45 tỷ đồng.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Nợ ngắn hạn	576.478	553.574	540.956	609.381	535.594
2	Nợ dài hạn	-	51.382	47.048	20.696	9.969
3	Vốn chủ sở hữu	260.236	278.513	320.280	380.597	483.425
	Tổng nguồn vốn	836.714	883.469	908.284	1.010.674	1.028.988

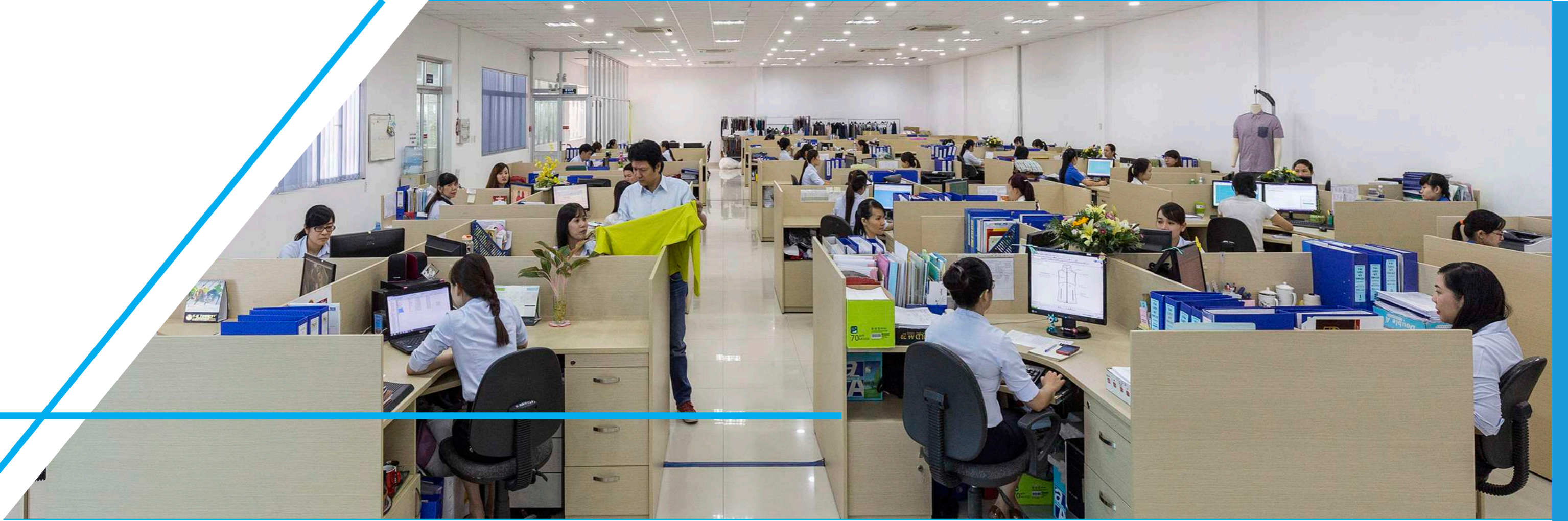
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA NGUỒN VỐN



Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và nguồn tài trợ chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm. Tuy nhiên, năm qua Công ty đã thay đổi dần cơ cấu nợ - nguồn vốn, thu hẹp các khoản nợ vay và tăng dần vốn tự có để sản xuất kinh doanh. Do đó, nợ ngắn hạn năm 2019 giảm đáng kể, số dư tại thời điểm 31/12/2019 là 535,594 tỷ đồng, giảm 73,787 tỷ đồng so với 2018. Các khoản nợ dài hạn cũng giảm rõ rệt từ 20,70 tỷ đồng năm 2018 xuống còn 9,97 tỷ đồng năm 2019 do công ty đã tắt toán các khoản nợ vay dài hạn tại ngân hàng.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Vốn lưu động ròng	39.166	75.280	114.496	169.061	274.890
Vòng quay vốn lưu động	39,70	28,16	14,02	12,06	8,26





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Chính sách hoạt động

- Đánh giá và cải tiến quy trình sản xuất, thực hiện mô hình LEAN & Automation, 5S, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, nhằm kiểm soát chi phí trong sản xuất
- Người lao động hưởng lương theo hiệu quả và năng suất nhằm tạo động lực làm việc và nâng cao trách nhiệm với công việc đang đảm nhận.
- Công ty thường xuyên có các buổi đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động nâng cao tay nghề.
- Đầu tư thiết bị sản xuất kết hợp kiểm tra, đánh giá định kỳ máy móc thiết bị, lên kế hoạch bảo trì bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn lao động.

Cơ cấu tổ chức

- Tiếp tục nhân rộng hoàn thiện mô hình LEAN, 5S tại các Nhà máy trực thuộc.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, góp phần tăng năng suất.
- Tạo điều kiện cho người lao động phát triển, phát huy tối đa năng lực.
- Trong năm 2019, rà soát và xây dựng lại sơ đồ tổ chức của các phòng ban đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Công tác quản lý Công ty

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp. Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi.
- Nhân viên có thành tích nổi trội được nâng bậc thu nhập và đề bạt vào các chức danh quản lý.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mục tiêu tăng trưởng doanh thu bình quân 20%/ năm cho giai đoạn phát triển 05 năm (2020-2024), đến năm 2024 đạt mức doanh thu trên 200 triệu USD, 150 chuyên may, đồng thời đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tuy nhiên, trước tình hình dịch bệnh toàn cầu đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và chuỗi cung ứng nói riêng. Vì vậy, tùy theo tình hình thực tế Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty sẽ quyết định điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn trong năm 2020 nhưng sẽ tạo bước ổn định, đón đầu và tìm kiếm thêm cơ hội phát triển cho những năm kế tiếp.

Giải pháp để hoàn thành kế hoạch

- Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo.
- Đầu tư máy móc thiết bị chuyên dụng, cải tiến quy trình sản xuất nâng cao năng suất sản xuất;
- Đầu tư nhà xưởng, cải thiện môi trường làm việc sạch, xanh cho người lao động;
- Đầu tư xây dựng Trung Tâm phát triển mẫu, chú trọng phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và giá trị cao;
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động;
- Chuyển đổi từ nồi hơi sử dụng than sang lò hơi điện nhằm cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo tốt hơn cho sức khỏe người lao động.





BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN

BỀN VỮNG



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Tiêu thụ năng lượng:

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

Tổng năng lượng sử dụng	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2019 so với 2018
Tổng lượng điện tiêu thụ	Kw-h	5.342.395	5.679.095	5.284.167	-6,95%
Tổng lượng gas tiêu thụ	Kg	44.704	49.831	43.678	-12,35%
Tổng lượng dầu tiêu thụ	Lít	1.400	24.457	29.090	18,94%
Tổng lượng xăng tiêu thụ	Lít		12.890	10.585	-17,88%
Tổng lượng than tiêu thụ	Kg	341.959	292.256	321.729	10,08%

Các năng lượng tiêu hao chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty trong năm qua, nhiệt năng sử dụng than tăng chủ yếu là sử dụng cho nồi hơi phục vụ sản xuất, năm 2020 Công ty sẽ thay bằng lò hơi sử dụng điện để thân thiện với môi trường hơn.

Để tránh việc sử dụng lãng phí các nguồn năng lượng, tăng chi phí, Công ty luôn đề cao chính sách và ghi nhận các sáng kiến góp phần giảm năng lượng tiêu thụ. Trong năm, Công ty đã triển khai các sáng kiến tiết kiệm năng lượng cho toàn hệ thống Công ty nhưng vẫn đảm bảo đủ độ sáng để nhân công làm việc, chi tiết như sau:

- Thay thế dần các bóng đèn điện huỳnh quang thông thường thành bóng đèn chiếu sáng led; thay thế các thiết bị mới tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu lượng điện năng hao hụt không cần thiết;
- Ngắt thiết bị tiêu hao điện năng khi không sử dụng;
- Định kỳ lau chùi đèn, chóa đèn để tăng độ chiếu sáng, đảm bảo độ sáng cho sản xuất;
- Vận hành hệ thống làm mát nhà xưởng theo quy định;
- Công ty đã tiết kiệm được điện năng, gas và xăng so với năm 2018 lần lượt là 6,95%; 12,35% và 17,88%.

Công ty đã có kế hoạch giảm thiểu lượng xăng thông qua việc lập kế hoạch vận chuyển và dự tính tuyến đường lưu chuyển hợp lý nhất.

Tiêu thụ nước:

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thải (ĐVT: lít)
1	Nước ngầm	6.860
2	Nước Thủy cục	32.317
Tổng cộng		39.177

Trong năm 2019, Công ty sử dụng 53.980 lít nước. Toàn bộ lượng nước tiêu thụ chủ yếu dùng cho mục đích sinh hoạt do Công ty chỉ nhập nguyên vật liệu về để may và không có hoạt động dệt, nhuộm. Công ty cũng chưa có quy trình tái chế sử dụng nước thải nên không có lượng nước sử dụng do tái chế

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường (có hệ thống xử lý nước thải, phân loại rác thải). Do đó, trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của Pháp luật liên quan đến vấn đề này.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chính sách liên quan đến vấn đề người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động trong năm 2019: 3.773 người

STT	Phân loại	Mức lương trung bình (ĐVT: Đồng/người/tháng)
Lương của người lao động		
1	- Khối Gián tiếp	10.871.947
2	- Khối Trực tiếp	7.327.530

Công tác chăm lo người lao động

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng, nhất là ngành nghề sử dụng lao động cao như Garmex Sài Gòn. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến người lao động, chính sách nhân sự luôn được cải thiện và điều chỉnh để tạo động lực cho người lao động làm việc. Cụ thể các công tác chăm lo cho người lao động năm 2019 như sau:

An toàn lao động:

- Ban hành quy định về trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân năm 2019
- Tổ chức đào tạo cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động 2 đợt/năm 2019
- Cải tạo hệ thống PCCC cho nhà máy May An Phú
- Cải tạo hệ thống PCCC cho nhà máy May Garmex Quảng Nam

Lương, thưởng, phúc lợi:

- Chính sách chăm lo cho người lao động 2019: chăm sóc cho nữ lao động đơn thân nuôi con, trợ cấp gửi trẻ, thăm hỏi NLĐ nhân ngày thương binh liệt sỹ và ngày quân nhân Việt Nam, tổ chức xe đưa đón NLĐ về quê ăn tết, chi trả thời gian nghỉ ngắn, thưởng cho NLĐ nhân các ngày lễ lớn trong năm.
- Thưởng giới thiệu NLĐ vào làm việc tại các nhà máy trực thuộc công ty
- Lương, thưởng năm 2019 gồm: lương tháng 13, thưởng lương tháng 14 theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, thưởng thâm niên công tác, chính sách cho người lao động nghỉ hưu sản trong năm 2019

Các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Tổ chức tư vấn và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/năm
- Công ty có các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi gặp vấn đề về sức khỏe
- 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm y tế, thất nghiệp, tai nạn lao động đáp ứng tiêu chuẩn về sử dụng lao động. Ngoài ra, công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLĐ.
- Kết hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên đánh giá định kỳ chất lượng bếp ăn thông qua phiếu khảo sát mức độ hài lòng để kịp thời điều chỉnh và cải thiện suất ăn phù hợp từng thời điểm

Công tác chăm lo đời sống cho lao động và thân nhân



- Hàng năm, Công ty tổ chức Lễ hội tổng kết với các chương trình bốc thăm trúng thưởng, tổ chức giải thi đấu thể thao, văn nghệ, tạo điều kiện cho người lao động có sân chơi lành mạnh
- Công ty triển khai mô hình bảo hiểm sức khỏe theo nhóm cho người lao động và thân nhân để người lao động có được sản phẩm bảo hiểm sức khỏe tốt hơn với các điều kiện mở rộng hơn
- Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân về quê dịp Tết, hỗ trợ đột xuất cho công nhân gặp khó khăn, duy trì chính sách hỗ trợ tiền xăng và gửi trẻ cho người lao động, hỗ trợ công nhân nữ đơn thân nuôi con
- Người lao động được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng trên cơ sở chất lượng công việc. Công ty áp dụng các quy tắc không chỉ đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật mà còn đảm bảo các tiêu chuẩn đánh giá Quốc tế do khách hàng đề ra

Công tác đào tạo, phát triển người lao động

- Đào tạo nội bộ: Các Phòng ban/ Nhà máy đào tạo các quy định, tiêu chuẩn khách hàng. Chính sách tiền lương, Đào tạo tiếng Anh cho Nhân viên
- Đào tạo bên ngoài Cử cán bộ đi học tập tại : Trung Quốc, Đài Loan, Pháp, Mỹ
- Đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho người lao động

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ cho địa phương Công ty và địa phương các Nhà máy của Công ty trú đóng: chăm lo Tết cho Người nghèo tại địa phương với tổng số tiền là 65 triệu đồng; ủng hộ Trường nuôi dưỡng trẻ khuyết tật với số tiền 100 triệu đồng
- Hỗ trợ nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bến Tre



A person in a dark suit jacket is holding a silver pen over a document. The document contains several charts and tables. On the left, there is a bar chart with blue bars and a line graph with blue lines. In the center, there is a pie chart. On the right, there is a table with columns labeled 'Product 1', 'Product 2', and 'Product 3'. The background is a light blue and white geometric pattern.

PHẦN 4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- » Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
- » Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI ĐẾN VIỆT NAM

Nền kinh tế thế giới năm 2019 tiếp tục chứng kiến chiến tranh thương mại diễn ra giữa các nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, đặc biệt là cuộc chiến giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Căng thẳng thương mại kéo dài giữa hai quốc gia này đã tác động rất lớn đến tình hình suy giảm kinh tế thế giới. Đến cuối năm 2019, Mỹ và Trung đạt được thỏa thuận giai đoạn một đã phần nào xoa dịu lo ngại trước nguy cơ suy thoái kinh tế. Nền kinh tế kỳ vọng sẽ phục hồi và tăng trưởng trở lại trong thời gian tới.

Trước tình hình khó khăn trong năm qua, các doanh nghiệp may mặc phải chịu áp lực từ việc đơn hàng giảm, biến động giá cả, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thấy được vấn đề trên, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn đã nỗ lực cố gắng giữ vững những khách hàng truyền thống với doanh số xuất khẩu của Công ty trong năm 2019 đạt 74,6 triệu USD giảm 12% so với năm 2018.

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI ĐẾN VIỆT NAM

Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đối diện với tình hình cạnh tranh khốc liệt từ thị trường trong nước đến thị trường ngoài nước, từ doanh nghiệp có vốn FDI đến các quốc gia lấy ngành dệt may làm trọng điểm, từ thu hút lao động lành nghề đến san sẻ đơn hàng. Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam vẫn được đánh giá là tăng trưởng khá khi kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 39 tỷ USD, tăng 7,55% so với năm 2018. Mặt khác, Nhà nước Việt Nam đã ký kết Hiệp định CPTPP, tạo bàn đạp cho các doanh nghiệp trong nước phát triển nhưng ngành may nước ta vẫn chưa thể tận dụng được các cơ hội ưu đãi từ Hiệp định. Cụ thể thực trạng ngành may mặc năm 2019 như sau:

- Các doanh nghiệp trong nước chỉ cung ứng khoảng 50% nguyên vật liệu đầu vào của ngành may mặc nên xu hướng tự hoàn thiện chuỗi giá trị của các doanh nghiệp ngành dệt may gia tăng. Tuy nhiên, năng lực công nghệ sản xuất và tài chính là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp này.
- Cơ cấu lao động còn hạn chế khi chỉ 25% tổng lao động có đào tạo chuyên môn, 75% còn lại là chưa qua đào tạo, chủ yếu là bằng tốt nghiệp trung học.
- Lương tối thiểu vùng cho lao động gia tăng theo Nghị quyết 90/2019/NQ-CP ban hành, dẫn đến chi phí lao động tăng cao, mất lợi thế cạnh tranh về nhân công giá rẻ.
- Các phương thức CMT và FOB vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành may mặc, gây ra áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp sở hữu nhân công giá rẻ tại nhiều quốc gia như Myanmar, Bangladesh và các quốc gia trong lãnh thổ Châu Phi.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019

Nhằm hạn chế những tác động của tình hình thực tại và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch, phương án ổn định đơn hàng, phân phối đơn hàng phù hợp nhằm giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động, giảm chi phí hỗ trợ lương;
- Cải thiện, điều chỉnh chính sách lương, thưởng góp phần tăng thu nhập, chăm sóc tốt đời sống vật chất tinh thần người lao động do đó ổn định được tình hình lao động;
- Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, cải tiến quy trình sản xuất góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu thời gian tăng ca;
- Từng bước chuyển đổi chiến lược sản xuất hàng hàm lượng kỹ thuật cao, củng cố, phát triển nguồn nhân lực bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống quản lý;
- Xây dựng niềm tin nơi khách hàng; tiếp tục xác lập vị thế với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, góp phần ổn định sản xuất ngay từ đầu năm 2019.

Hoạt động đầu tư dự án

Năm 2019, Công ty không triển khai dự án nào. Hầu hết các khoản đầu tư tài chính vẫn duy trì.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm cải tạo môi trường, tuân thủ pháp luật về môi trường cũng như đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương như:

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt tiêu chuẩn của Khách hàng về chất lượng sản phẩm;
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường;
- Hệ thống xử lý nguồn cấp nước tại Công ty đã được tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty. Các nhà ăn tại các nhà máy thuộc Garmex Sài Gòn đều do các nhà máy tự vận hành và quản lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người lao động tại Công ty.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Những mặt làm được

- Trong bối cảnh cạnh tranh về giá, Công ty vẫn xúc tiến tốt và củng cố vị thế đối với Khách hàng truyền thống, phân bổ năng lực phù hợp theo diễn biến thị trường xuất khẩu. Đồng thời, củng cố, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, cải tiến quy trình sản xuất, tăng năng suất lao động, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao;
- Giữ vững vị thế và số lượng đơn hàng từ khách hàng lớn Columbia Sportswear, Decathlon, Nits;
- Hoàn thiện dần mô hình LEAN & AUTOMATION; bước đầu đạt đến mục tiêu cốt lõi của LEAN: 02 giảm (giảm chi phí – giảm thời gian hoàn thành); 02 tăng (tăng năng suất – tăng chất lượng).

Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân

- Việc nguyên liệu chưa đáp ứng đúng tiến độ, chất lượng chưa ổn định dẫn đến công nhân còn chờ việc vẫn chưa khắc phục triệt để;
- Nguyên phụ liệu còn phụ thuộc từ việc nhập khẩu từ nhà cung cấp nước ngoài, đòi hỏi thời gian vận chuyển, đây cũng là tình trạng chung của ngành dệt may Việt Nam.

Những mặt chưa làm được của Công ty chủ yếu là yếu tố khách quan, hệ thống quản lý Công ty đang trong quá trình hoàn thiện. Để hạn chế những ảnh hưởng không mong muốn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp, chủ động giải quyết những vấn đề phát sinh về phương liên quan đến chất lượng và giao hàng. Ngoài ra, Ban lãnh đạo có kế hoạch phát triển thêm khách hàng mới, tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu trong nước cạnh tranh hơn.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về triển vọng 2020

Đánh giá về triển vọng chung kinh tế toàn cầu

Tuy hai cường quốc Mỹ - Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận giai đoạn I, chiến tranh thương mại hạ nhiệt nhưng tăng trưởng kinh tế năm 2020 dự báo vẫn tiếp tục suy giảm do một số nguyên nhân khách quan. Một là, tình hình dịch bệnh SARS – COV – 2 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, số lượng người nhiễm bệnh tăng từng ngày trên các nền kinh tế lớn như: Mỹ, Italy, Pháp Anh, Trung Quốc... Hai là, các chính sách hạn chế nhập cảnh từ các quốc gia nhằm phòng chống dịch đã ảnh hưởng không nhỏ đến dòng vốn FDI và lượng hàng hóa lưu thông của các nước, dẫn đến trì trệ nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Đánh giá về triển vọng ngành

- Các Hiệp định CPTPP đã được ký kết trước đã mở ra con đường hội nhập cho các doanh nghiệp Việt Nam, là bàn đạp cho ngành dệt may phát triển ra thị trường thế giới.
- Tháng 06/2019, Việt Nam và EU đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (Hiệp định IPA). Đây hứa hẹn sẽ là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu.

Tuy nhiên, theo nguyên tắc xuất xứ của các Hiệp định Quốc tế từ Sợi, Vải, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa đủ điều kiện đáp ứng. Nguồn nguyên liệu, phụ liệu của các doanh nghiệp may mặc chủ yếu đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc chưa đáp ứng nguyên tắc của Hiệp định. Bên cạnh đó, Công ty cũng đối mặt với áp lực lớn từ các yếu tố: Tăng lương tối thiểu, cạnh tranh về giá, về mẫu mã và chất lượng có xu hướng diễn ra gay gắt hơn. Để tận dụng tốt những triển vọng này Công ty cần xây dựng, tổ chức đội ngũ kỹ thuật nghiệp vụ có trình độ nghiệp vụ cao hơn nhằm nâng cao tính cạnh tranh phù hợp với xu hướng thị trường, góp phần tăng trưởng bền vững.

Chiến lược phát triển Công ty trong năm 2020

VỀ ĐỐI NỘI	VỀ ĐỐI NGOẠI
<ul style="list-style-type: none">• Đầu tư phát triển nguồn lực, đẩy mạnh cải tiến trong sản xuất để tăng năng suất;• Xây dựng Trung tâm phát triển mẫu để đẩy mạnh khâu thiết kế, từng bước chuyển đổi sang phương thức bán hàng ODM;• Phát triển nguồn cung cấp nguyên liệu kịp thời, chất lượng với giá cả cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để tận dụng những lợi thế các Hiệp định Thương mại;• Không ngừng cải tiến, hoàn thiện hệ thống chất lượng, mô hình Lean, 5S, tăng năng suất - chất lượng sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none">• Duy trì, củng cố uy tín đối với các khách hàng truyền thống tại các thị trường Mỹ, EU và Nhật. Đồng thời, Công ty luôn tìm kiếm các khách hàng mới; mở rộng thị phần ra các thị trường tiềm năng;• Tận dụng lợi ích từ các Hiệp định thương mại quốc tế, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường;• Đầu tư thiết bị chuyên dụng nhằm tạo ra các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, giá trị gia tăng cao;• Tập trung nghiên cứu mẫu mã, thiết kế mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước xây dựng định hướng sang phương thức ODM.



A person in a blue suit is using a tablet. The background is a blurred office setting. Overlaid on the image are several futuristic digital icons: a large circular interface with three gears, a speech bubble, a document with a checkmark, and a play button. The overall color scheme is blue and white.

PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị
- » Hoạt động của Hội đồng quản trị
- » Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ(*)	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	2.827.222 CP	15,81%	Đại diện sở hữu của Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
			836.130 CP	4,68%	Đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	2.709.031 CP	15,15%	Đại diện sở hữu của Cty cổ phần Đầu tư T.TA
3	Ông Lê Hùng	Thành viên	0 CP	0,00%	
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	0 CP	0,00%	
5	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	18.479 CP	0,10%	Sở hữu cá nhân
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	45.183 CP	0,25%	Sở hữu cá nhân
			940.596 CP	5,26%	Sở hữu cá nhân
7	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	502.331 CP	2,81%	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tân Á
			502.331 CP	2,81%	Đại diện sở hữu của TNHH Thương mại Á Châu

(*) Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2019
Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV tiến hành 13 cuộc họp. Việc tổ chức họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản đều tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	
3	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	
5	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	05/12/2018	13/13	100%	

Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT/2019	19/02/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Thông qua chủ trương thực hiện hợp đồng, giao dịch vận chuyển quốc tế với doanh nghiệp có liên quan (Công ty cổ phần Transimex)
2	05/NQ-HĐQT/2019	19/02/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Phê duyệt tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 • Ngày ĐKCC : 27/03/2019 • Ngày Đại hội : 25/04/2019
3	07/NQ-HĐQT/2019	25/03/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Thay đổi tên Công con – Cty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh thành Công ty TNHH Garmex Quảng Nam



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
4	08/NQ-HĐQT/2019	25/03/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thu Hà – giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty
5	09/NQ-HĐQT/2019	25/03/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Phê duyệt thay đổi địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tại Khách Sạn SHERATON SAIGON – 80 Đông Du, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
6	15/NQ-HĐQT/2019	15/04/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Phê duyệt nội dung các Báo cáo và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019: 1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 2. Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 3. Thông qua các báo cáo: • Báo cáo thường niên năm 2018 • Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2018 • Báo cáo của HĐQT về hoạt động SXKD năm 2018 • Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018 • Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán • Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 • Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 • Tờ trình Ngân sách đầu tư cho năm 2019 • Tờ trình Phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức • Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu • Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty • Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty • Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2019 • Tờ trình Thù lao và Thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019
7	17/NQ-HĐQT/2019	13/05/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Phê duyệt tiến hành các thủ tục để thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu – Tỷ lệ 15% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
8	18/NQ-HĐQT/2019	03/06/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Chốt Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 15% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
9	19/NQ-HĐQT/2019	24/06/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Chọn Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam (E&Y) thực hiện việc kiểm toán cho Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty
10	23/NQ-HĐQT/2019	24/06/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> • Bổ nhiệm Bà Huỳnh Thị Kim Loan là Người phụ trách quản trị Công ty thay Ông Huỳnh Văn Dũng đã nghỉ việc
11	25/NQ-HĐQT/2019	08/07/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Đăng ký tăng Vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn từ 155.556.200.000 đồng lên thành 178.809.280.000 đồng
12	32/NQ-HĐQT/2019	09/09/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1
13	33/NQ-HĐQT/2019	09/09/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng
14	41/NQ-HĐQT/2019	18/11/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
15	43/NQ-HĐQT/2021	31/12/2019	<u>Nghị quyết của HĐQT:</u> Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn của Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Về điều hành sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh, kế hoạch công việc hàng tháng, hàng tuần một cách linh hoạt để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng chiến lược của HĐQT. Xây dựng nhận dạng lại Thương hiệu và phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao. Quá trình thực hiện công tác điều hành quản lý Công ty tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Về quản lý tài chính

- » Tình hình tài chính công ty 6 tháng đầu năm 2019 lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động.
- » Thực hiện việc quản lý, kiểm soát và tiết kiệm chi phí trong toàn hệ thống Công ty
- » Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.
- » Giám sát việc phân bổ quỹ thưởng năm 2018 cho HĐQT, Ban Kiểm soát và cán bộ chủ chốt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Về tổ chức bộ máy hoạt động

- Hội đồng quản trị giám sát việc tổ chức lại bộ máy hoạt động của Công ty
- » Tổ chức lại Chuỗi cung ứng, bộ phận cải tiến sản xuất và xây dựng bộ phận Kiểm soát nội bộ.
 - » Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chăm công tính lương, chính sách lương, thưởng, rà soát và kiện toán các quy trình làm việc để bộ máy của công ty hoạt động có hiệu quả. Xây dựng Thư viện định mức, năng suất, nguyên phụ liệu phục vụ làm mẫu.
 - » Tổ chức đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý cũng như nâng cao tay nghề của công nhân nhằm đáp ứng chiến lược phát triển của công ty.

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ IV chưa thành lập các Tiểu ban của nhiệm kỳ IV. Hiện nay, Hội đồng Quản trị hoạt động trên cơ sở các thành viên cùng bàn bạc, quyết định về định hướng chiến lược phát triển, đầu tư, nhân sự, lương thưởng cũng như công tác kiểm soát nội bộ để Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý thực hiện.

Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị Công ty, Đồng thời, Phụ trách quản trị Công ty tham gia các buổi tập huấn, phổ biến các quy định mới, thông lệ về quản trị Công ty do UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM tổ chức.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT	Thưởng	Lương	Tổng cộng
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	33%	67%	0%	100%
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	33%	67%	0%	100%
3	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	33%	67%	0%	100%
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	33%	67%	0%	100%
5	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	33%	67%	0%	100%
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính	3%	7%	90%	100%
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3%	7%	90%	100%
8	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng BKS	33%	67%	0%	100%
9	Bà Lê Thị Chín	Thành viên BKS	33%	67%	0%	100%
10	Ông Từ Vi Trí	Thành viên BKS	33%	67%	0%	100%
11	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0%	0%	100%	100%



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ/SLCP lưu hành	Số CP	Tỷ lệ/SLCP lưu hành	
1	Công ty cổ phần Đầu tư Vina	Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT- Bùi Minh Tuấn	181.500	1,17%	0	0	Bán
2	Công ty cổ phần Đầu tư T.TA	Thành viên HĐQT – Bùi Minh Tuấn	393.500	2,54%	2.709.031	15,19%	Tăng số lượng cổ phiếu nắm giữ và tăng do nhận cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu
3	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	817.910	5,27%	940.596	5,27%	Tăng do nhận cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu

Ngoài ra, có các giao dịch nhận quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu của người nội bộ và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu của 2 tổ chức có liên quan đến người nội bộ Công ty như sau:

Ông Lâm Tử Thanh – Thành viên HĐQT Công ty nhận chuyển nhượng quyền mua của 2 tổ chức có liên quan với số lượng quyền mua như sau:

1. Công ty TNHH Tân Á (là tổ chức có liên quan đến Thành viên HĐQT - Lâm Tử Thanh là Giám đốc – ĐDPL Công ty) : Chuyển nhượng 502.331 quyền mua cho ông Lâm Tử Thanh nhận quyền mua

2. Công Ty TNHH Thương Mại Á Châu (là tổ chức có liên quan đến Thành viên HĐQT - Lâm Tử Thanh là Giám đốc – ĐDPL Công ty) chuyển nhượng 502.331 quyền mua cho ông Lâm Tử Thanh nhận quyền mua

Các giao dịch khác của cổ đông lớn trong năm 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu /SLCP đang lưu hành trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu /SLCP đang lưu hành sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ/SLCP lưu hành	Số CP	Tỷ lệ/SLCP lưu hành	
1	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế	16/01/2019	1.795.610	11,58%	1.401.470	9,04%	Bán
		28/01/2019	1.401.470	9,04%	1.885.104	12,16%	Mua Mua
		31/01/2019	1.885.104	12,16%	1.492.404	9,62%	Bán
		05/06//2019	1.492.404	9,62%	1.101.404	7,10%	Bán
		21/06/2019	1.101.404	7,10%	1.266.614	7,10%	Tăng do nhận cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu
		25/09/2019	1.266.614	7,10%	2.118.419	11,88%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2019, không có phát sinh giao dịch liên quan đến người nội bộ (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch:

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Transimex	Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex là Chủ tịch HĐQT Công ty	Giao dịch vận chuyển hàng hóa cho Công ty từ 19/02/2019	



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch giữa Công ty với công ty con, giữa Công ty với chi nhánh của công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
1	Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng từ năm 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính	Giao dịch giữa công ty với công ty con liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng là giao dịch phát sinh thường xuyên, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh Nghiệp.
2	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị từ năm 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính	

Giao dịch giữa Công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Giao Dịch với công ty	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Transimex	Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex là Chủ tịch HĐQT Công ty	Giao dịch vận chuyển hàng hóa cho Công ty từ 19/02/2019	
2	Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Bà Nguyễn Thị Thu Hương - là Chủ tịch Công ty	Công ty con;	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng từ năm 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính
3	Công Ty Garmex Quảng Nam	Bà Nguyễn Minh Hằng - Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc Công ty	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, bán máy móc thiết bị từ năm 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban KS, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có



A man in a light blue suit and patterned tie is pointing with a pen at a large chart on a wall. The chart features a bar graph and a line graph. The background is a bright, modern office setting. The image is overlaid with a white diagonal shape containing text.

PHẦN 6

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

- » Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát
- » Hoạt động của Ban kiểm soát

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm 3/12/2019	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban	4.531 CP	0,03%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	4.531 CP	0,03%
3	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 CP	0,00%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nội dung tổng quát

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động như sau:

- » Kiểm tra tình hình hoạt động và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và năm của Công ty mẹ và các công ty con; việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.
- » Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông như: tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch, việc tuân thủ điều lệ, quy định hiện hành trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Thống kê các buổi họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã có 08 buổi làm việc để kiểm tra, giám sát các vấn đề liên quan đến việc quản trị và tuân thủ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tổ chức họp Ban Kiểm soát đều tuân thủ theo quy định tại điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25/04/2019

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện so với kế hoạch
1	Tổng Doanh thu	1.900.000.000.000	1.755.946.313.103	92,42%
2	Lợi nhuận trước thuế	78.000.000.000	134.865.495.349	172,9%
3	Cổ tức	20%-30%	-	-

Kết thúc năm 2019, Công ty đã hoàn thành 92,42% kế hoạch về doanh thu; lợi nhuận trước thuế vượt 72,9% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tình hình thực hiện kế hoạch vay nợ

- Tổng hạn mức nợ vay được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là: 1.500 tỷ đồng
- Tổng hạn mức nợ vay của Công ty luân chuyển trong năm là: 1.419 tỷ đồng
- Số dư nợ vay cuối kỳ là : 248,5 tỷ đồng

Ban Điều hành Công ty đã ước tính khả hợp lý kế hoạch vay nợ, do đó tổng mức nợ vay luân chuyển thực hiện trong năm 2019 nằm trong hạn mức trình ĐHĐCĐ thông qua là 1.500 tỷ đồng.

Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, như thanh toán lương cho CBCNV, mua nguyên vật liệu...

Phân phối lợi nhuận năm 2018 bằng cổ phiếu và việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, chi thường cho cán bộ chủ chốt

Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty đã triển khai thực hiện phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào tháng 06/2019 và số cổ phiếu này được đưa vào giao dịch bổ sung vào ngày 29/07/2019.

Số vốn điều lệ tăng thêm (do Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu) là: 23.253.080.000 đồng.

Vốn điều lệ Công ty tính đến 31/12/2019 là: 178.809.280.000 đồng.

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Hội đồng Quản trị đã triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1, kết thúc đợt phát hành vào ngày 14/01/2020.

Sau đợt phát hành, vốn điều lệ Công ty tăng lên mức 267.963.650.000 đồng. Dự kiến thặng dư vốn cổ phần do phát hành sẽ là 44.577.185.000 đồng. Số vốn tăng sẽ được cập nhật vào Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020.

Chi trả thù lao HĐQT, BKS và chi thường cho cán bộ chủ chốt

Công ty đã thực hiện chi trả các khoản thù lao HĐQT, BKS và thưởng cán bộ chủ chốt từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính 2018 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành được Hội đồng Quản trị thông qua phù hợp với phương án phát hành cổ phần đã được ĐHĐCĐ phê duyệt: Số tiền thu được từ việc bán cổ phần dùng để bổ sung vốn lưu động, cơ cấu lại nguồn vốn, tăng nguồn vốn chủ sở hữu, giảm tỷ lệ nợ, nâng cao năng lực tài chính của Công ty.

Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2019

Hội đồng Quản trị đã thông qua lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của CTCP Garmex Sài Gòn trong năm 2019

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đúng như Công ty dự kiến từ đầu năm, các đơn hàng trong năm 2019 giảm so với năm 2018, do người tiêu dùng có xu hướng tiết kiệm hơn trong tình hình kinh tế chịu nhiều ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Doanh thu năm 2019 giảm 14,72% so với năm 2018, đạt 1.755.946.313.103 đồng, tương đương 92,42% doanh thu kế hoạch năm 2019.

Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2019 là 134.865.495.349 đồng, đạt 172,9%, tăng mạnh so với kế hoạch, do các nguyên nhân sau:

» Tỷ suất lợi nhuận gộp được cải thiện. Công ty đã thực hiện cải cách chính sách lương, bù lương hợp lý hơn; thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động,... do đó, doanh thu tuy có mức giảm 14,72% so với năm 2018, nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2019 chỉ giảm 1,07 % so với năm 2018.

» Chi phí bán hàng giảm 42.236.369.447 đồng (giảm 66,67% so với năm 2018), do:

- Chi phí xuất nhập khẩu giảm .

- Do thu hẹp hoạt động của Blue Saigon LLC, nên chi phí nhân viên bán hàng của Blue Saigon LLC, chi phí sản xuất hàng mẫu cho Blue Saigon LLC đều giảm.

» Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 27.285.854.213 đồng (giảm 17,47%), do:

- Chính sách lương, thưởng thay đổi phù hợp hơn, đảm bảo việc khen thưởng, khuyến khích CBNV kịp thời, hiệu quả.

- Giảm chi phí dịch vụ mua ngoài

» Chi phí tài chính giảm 9.754.092.792 đồng, trong đó chi phí lãi vay giảm 4.581.288.336 đồng.

Tóm lại, mặc dù doanh thu 2019 thấp hơn so với thực hiện năm 2018 (bằng khoảng 85%), nhưng lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt mức xấp xỉ của năm 2018 (đạt khoảng 95%) do hoạt động sản xuất kinh doanh đã được tổ chức tốt hơn, các chi phí được kiểm soát chặt chẽ hơn, các hoạt động không mang lại hiệu quả đã được cắt giảm

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu tại công ty con

CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ

Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty TNHH May Tân Mỹ lỗ 15,26 tỷ đồng (năm 2018 lợi nhuận trước thuế là 5,72 tỷ đồng). Doanh thu đạt 93,72 tỷ đồng, giảm 38,11% so với cùng kỳ năm 2018.

Nguyên nhân lỗ chủ yếu là doanh thu giảm và do biến động nhân sự, ảnh hưởng đến năng suất lao động chung của Tân Mỹ.

CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM

Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam giảm so với năm 2018. Doanh thu đạt 104,99 tỷ đồng, giảm 55,98% so với cùng kỳ năm 2018. Lợi nhuận trước thuế đạt 655 triệu đồng (so với năm 2018 là 19,66 tỷ đồng).

Nguyên nhân lợi nhuận thấp là do doanh thu giảm và ảnh hưởng của khoản lỗ từ việc bán thanh lý hàng tồn trong năm 2019 của Blue Saigon LLC (lỗ 284.806 USD, tương đương 6,636 tỷ đồng).

Trong năm 2019, Ban Điều hành đã thực hiện việc sắp xếp lại hoạt động của Công ty Blue Saigon LLC (công ty con tại Mỹ), giảm chi phí hoạt động và thực hiện việc thanh lý hàng hóa tồn kho, tích cực thu hồi nợ, nhằm giảm thiểu các chi phí phát sinh cho các năm sau, nhưng vẫn đảm bảo duy trì được chi nhánh tại Mỹ, để tìm kiếm cơ hội phát triển khách hàng tại thị trường Mỹ.

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN TƯỜNG LONG

Năm 2019, Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long đã dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh và tập trung thu hồi công nợ, tuy nhiên chưa thực hiện thủ tục giải thể.

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019

STT	CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	CHÊNH LỆCH 2019-2018
I	TÀI SẢN	1.010.673.715.603	1.028.987.846.193	18.314.130.590
1	Tài sản ngắn hạn	778.442.269.303	820.453.093.414	42.010.824.111
2	Tài sản dài hạn	232.231.446.300	208.534.752.779	- 23.696.693.521
II	NGUỒN VỐN	1.010.673.715.603	1.028.987.846.193	18.314.130.590
1	Nợ phải trả	630.076.425.609	545.562.879.290	- 84.513.546.319
2	Vốn chủ sở hữu	380.597.289.994	482.397.773.249	101.800.483.255
III	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU			
1	Hệ số thanh toán hiện hành	1,28	1,53	0,25
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,21	0,43	0,22
3	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu	5,85%	5,95%	0,1%
4	Tỷ suất sinh lợi trên vốn ROE	34,36%	24,18%	- 10,18%
5	Tỷ suất sinh lợi trên tài sản ROA	12,55%	10,24%	-2,31%
6	Tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn	0,62	0,53	- 0,09
7	Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	1,66	1,13	-0,53



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019

Theo ý kiến của chúng tôi, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là lành mạnh, cơ cấu vốn hợp lý; Ban Điều hành kiểm soát được tình hình tài chính, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty.

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2019.

Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty trong năm 2019

- » Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã tích cực triển khai các nội dung và phương án được ĐHĐCĐ thông qua, như: phương án chi trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu,...
- » HĐQT luôn cho ý kiến để giải quyết nhanh các nội dung Ban Điều hành xin ý kiến, đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- » Ban Điều hành đã có nhiều giải pháp để giảm chi phí, xây dựng các quy trình quản lý chất lượng, máy móc thiết bị, quy trình mua hàng,... để kiểm soát tốt việc chi tiêu, mua sắm. Đồng thời chú trọng đến công tác thi đua, phát huy sáng kiến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm
- » Sự nỗ lực của cả HĐQT và Ban Điều hành còn thể hiện qua việc ổn định tình hình lao động biến động nhiều trong các tháng đầu năm, giữ vững lực lượng lao động nòng cốt, có tay nghề cao, giữ vững lợi thế của công ty, tạo ra sức mạnh tổng hợp từ nguồn lực nội tại của công ty, góp phần mang lại kết quả khả quan trong năm 2019, với lợi nhuận trước thuế hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông.
- » Ban Điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, khi trình xin ý kiến HĐQT thông qua tất cả các vấn đề quan trọng, đảm bảo được quyền và lợi ích của công ty khi thực hiện các giao dịch đối với người có liên quan.
- » HĐQT và Ban Điều hành có sự nhất trí cao trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý và điều hành hoạt động chung của công ty

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm

- » Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty khi có yêu cầu.
- » Hoạt động của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được phối hợp chặt chẽ, cởi mở, đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế Quản trị công ty, nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao.

Kiến nghị của Ban kiểm soát

- » Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành sớm hoàn tất việc xây dựng Quy chế tài chính của Công ty để quản trị tốt các rủi ro liên quan tài chính trong hoạt động kinh doanh và đầu tư.
- » Ban Điều hành có các giải pháp để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh tại các công ty con, công ty liên kết, khắc phục tình trạng lỗ tại công ty con, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.
- » Ban Điều hành tổ chức việc quyết toán tiêu hao nguyên phụ liệu và hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, để từ đó có những giải pháp hữu hiệu hơn nhằm tiết kiệm chi phí tiêu hao nguyên phụ liệu, kiểm soát tốt hàng hóa tồn kho, nhằm tăng hiệu quả hoạt động cho công ty.





PHẦN 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 38



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 3 tháng 5 năm 2019, Công ty nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 15 số 0300742387 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Chín	Thành viên
Ông Từ Vi Trí	Thành viên

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2020



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61192495/21174458-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn) ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập Ngày 8 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		820.453.093.414	778.442.269.303
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	232.495.169.949	128.163.362.782
111	1. Tiền		214.315.169.949	127.152.355.519
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.180.000.000	1.011.007.263
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		221.745.997.662	327.481.939.937
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	216.234.271.920	324.616.363.713
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.339.599.065	2.223.854.503
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		256.230.121	1.278.816.774
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(1.084.103.444)	(637.095.053)
140	III. Hàng tồn kho	7	330.556.667.514	291.441.659.759
141	1. Hàng tồn kho		338.750.550.113	302.973.265.022
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.193.882.599)	(11.531.605.263)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		35.655.258.289	31.355.306.825
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.076.460.087	1.213.433.848
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.578.798.202	30.141.872.977
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		208.534.752.779	232.231.446.300
210	I. Khoản phải thu dài hạn		187.272.000	299.727.750
216	1. Phải thu dài hạn khác		187.272.000	299.727.750
220	II. Tài sản cố định		158.334.791.979	177.257.402.377
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	157.348.355.125	175.173.940.211
222	Nguyên giá		376.511.056.271	369.175.318.951
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(219.162.701.146)	(194.001.378.740)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	986.436.854	2.083.462.166
228	Nguyên giá		6.922.821.015	6.923.918.340
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.936.384.161)	(4.840.456.174)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		11.863.383.000	12.269.539.240
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	11.863.383.000	12.269.539.240
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	17.067.478.219	17.067.478.219
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.631.843.219	4.631.843.219
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.395.180.000	15.395.180.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.959.545.000)	(2.959.545.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.081.827.581	25.337.298.714
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	20.988.289.039	24.613.997.990
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	93.538.542	723.300.724
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.028.987.846.193	1.010.673.715.603

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		545.562.879.290	630.076.425.609
310	I. Nợ ngắn hạn		535.593.787.542	609.380.925.609
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	157.013.335.958	145.636.162.497
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	3.123.284.213	7.395.887.475
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	10.212.918.235	33.369.397.757
314	4. Phải trả người lao động		88.532.506.545	71.818.079.424
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.202.415.062	8.542.236.183
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	15.972.089.354	12.498.980.822
320	7. Vay ngắn hạn	18	248.523.249.005	324.653.343.590
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	4.013.989.170	5.466.837.861
330	II. Nợ dài hạn		9.969.091.748	20.695.500.000
338	1. Vay dài hạn	18	-	13.695.500.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	9.969.091.748	7.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		483.424.966.903	380.597.289.994
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	483.424.966.903	380.597.289.994
411	1. Vốn cổ phần		178.809.280.000	155.556.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		178.809.280.000	155.556.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.314.942.370	28.314.942.370
415	3. Cổ phiếu quỹ		(863.138.686)	(863.138.686)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.094.916.440)	(1.193.786.099)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		67.859.802.989	67.859.802.989
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		210.171.523.089	130.680.090.336
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		105.706.776.252	40.486.874.482
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		104.464.746.837	90.193.215.854
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		227.473.581	243.179.084
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.028.987.846.193	1.010.673.715.603

Nguyễn Thị Diễm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.749.298.426.118	2.045.323.234.469
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	1.527.441.135	6.422.642.213
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.747.770.984.983	2.038.900.592.256
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	1.454.755.430.378	1.675.340.217.269
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.015.554.605	363.560.374.987
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	6.803.791.434	17.133.090.816
22	7. Chi phí tài chính	24	12.768.616.127	22.522.708.919
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.935.437.715	12.516.726.051
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12.1	-	290.843.219
25	9. Chi phí bán hàng	25	21.113.759.101	63.350.128.548
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	128.925.810.508	156.211.664.721
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		137.011.160.303	138.899.806.834
31	12. Thu nhập khác	26	1.371.536.686	2.912.862.156
32	13. Chi phí khác	26	3.517.201.640	350.813.376
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	26	(2.145.664.954)	2.562.048.780
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		134.865.495.349	141.461.855.614
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	29.786.691.833	33.244.723.752
52	17. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	28.3	629.762.182	(12.181.712.297)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		104.449.041.334	120.398.844.159
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		104.464.746.837	120.936.297.241
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(15.705.503)	(537.453.082)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.5	5.858	6.782
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.5	5.858	6.782

Nguyễn Thị Diễm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		134.865.495.349	141.461.855.614
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9, 10	27.211.767.831	28.434.461.223
03	Các khoản dự phòng		78.377.475	19.114.470.316
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.245.439.615	(185.976.476)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(64.598.727)	(8.161.412.603)
06	Chi phí lãi vay	24	7.935.437.715	12.516.726.051
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		171.271.919.258	193.180.124.125
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		102.131.574.466	(61.056.897.789)
10	Tăng hàng tồn kho		(35.791.789.454)	(35.756.680.434)
11	Tăng các khoản phải trả		22.654.276.476	48.871.172.854
12	Giảm chi phí trả trước		4.477.126.329	2.110.886.754
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.310.690.808)	(12.646.514.459)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(49.515.219.324)	(13.260.108.430)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.173.082.775)	(23.300.340.483)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		203.744.114.168	98.141.642.138
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(8.979.256.860)	(17.851.253.401)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	1.204.346.539
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.870.850.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.598.727	2.133.662.300
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(8.914.658.133)	(7.642.394.562)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.418.549.453.411	1.510.935.047.203
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(1.509.026.729.512)	(1.523.853.909.678)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	21.3	(4.456.325)	(46.513.353.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(90.481.732.426)	(59.432.215.475)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		104.347.723.609	31.067.032.101
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		128.163.362.782	96.874.718.179
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.916.442)	221.612.502
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	232.495.169.949	128.163.362.782


Nguyễn Thị Diễm
Người lập


Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng




Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 3 tháng 5 năm 2019, Công ty nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 15 số 0300742387 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.773 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.121).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
			(%)	(%)
(1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	May mặc	100	100
(2) Công ty TNHH May Tân Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	May mặc	100	100
(3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	May mặc	51	51
(4) Blue Saigon LLC (*)	Hoa Kỳ	Kinh doanh hàng may mặc	100	100

(*) Blue Saigon LLC đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 43 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam ngoại trừ Blue Saigon LLC đang hoạt động ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề may mặc và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	202.228.008	119.369.160
Tiền gửi ngân hàng	213.897.185.408	125.880.051.744
Tiền đang chuyển	215.756.533	1.152.934.615
Các khoản tương đương tiền (*)	18.180.000.000	1.011.007.263
TỔNG CỘNG	232.495.169.949	128.163.362.782

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,6% đến 4,8%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Promiles S.N.C Columbia Sportswear Company (Hongkong) Ltd	117.012.421.543	173.102.765.477
New Wave Group SA	52.923.690.284	108.247.683.496
Các khách hàng khác	15.962.623.641	1.510.853.755
	30.335.536.452	41.755.060.985
TỔNG CỘNG	216.234.271.920	324.616.363.713
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.084.103.444)	(637.095.053)
GIÁ TRỊ THUẦN	215.150.168.476	323.979.268.660

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	637.095.053	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	596.827.379	637.095.053
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(149.818.988)	-
Số cuối năm	1.084.103.444	637.095.053

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Viking Torch Far East Limited	1.940.433.856	-
Trung tâm Thiết bị Phòng cháy chữa cháy 4/10	1.375.773.840	-
Các nhà cung cấp khác	3.023.391.369	2.223.854.503
TỔNG CỘNG	6.339.599.065	2.223.854.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	216.405.361.118	(3.989.162.911)	192.174.696.265	(83.179.634)
Thành phẩm	110.064.964.062	(4.204.719.688)	104.492.177.422	(11.448.425.629)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.096.973.142	-	4.030.919.993	-
Hàng đang đi trên đường	4.671.097.658	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	2.077.686.133	-	2.275.471.342	-
Hàng hóa	434.468.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	338.750.550.113	(8.193.882.599)	302.973.265.022	(11.531.605.263)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.531.605.263	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	7.592.410.138	11.531.605.263
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.930.132.802)	-
Số cuối năm	8.193.882.599	11.531.605.263

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.076.460.087	1.213.433.848
Chi phí sửa chữa	252.461.334	223.121.758
Khác	823.998.753	990.312.090
Dài hạn	20.988.289.039	24.613.997.990
Tiền thuê đất trả trước	14.362.700.559	14.735.660.762
Công cụ, dụng cụ	4.228.901.675	4.824.131.284
Máy móc thiết bị	1.668.742.292	3.513.957.821
Khác	727.944.513	1.540.248.123
TỔNG CỘNG	22.064.749.126	25.827.431.838



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	184.670.922.459	157.024.972.132	13.971.156.513	13.508.267.847	369.175.318.951
Mua mới trong năm	962.900.000	6.674.184.730	114.000.000	1.253.352.240	9.004.436.970
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.667.811.000)	-	-	(1.667.811.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(888.650)	(888.650)
Số cuối năm	185.633.822.459	162.031.345.862	14.085.156.513	14.760.731.437	376.511.056.271
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	23.902.858.557	75.220.457.894	7.313.947.784	8.172.299.021	114.609.563.256
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	59.307.382.080	114.000.869.433	9.378.864.145	11.314.263.082	194.001.378.740
Khấu hao trong năm	8.261.070.026	15.358.875.917	1.216.258.977	1.278.621.953	26.114.826.873
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	-	(953.034.864)	-	-	(953.034.864)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(469.603)	(469.603)
Số cuối năm	67.568.452.106	128.406.710.486	10.595.123.122	12.592.415.432	219.162.701.146
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	125.363.540.379	43.024.102.699	4.592.292.368	2.194.004.765	175.173.940.211
Số cuối năm	118.065.370.353	33.624.635.376	3.490.033.391	2.168.316.005	157.348.355.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	6.923.918.340
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.097.325)
Số cuối năm	6.922.821.015
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	379.167.965
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	4.840.456.174
Hao mòn trong năm	1.096.940.958
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.012.971)
Số cuối năm	5.936.384.161
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.083.462.166
Số cuối năm	986.436.854

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	10.020.000.000
Dự án Xí nghiệp May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch (i)	1.843.383.000	1.843.383.000
Khác	-	406.156.240
TỔNG CỘNG	11.863.383.000	12.269.539.240

(i) Đây là số tiền Nhóm Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ để thuê lại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	4.631.843.219	-	4.631.843.219	-	
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	15.395.180.000	(2.959.545.000)	15.395.180.000	(2.959.545.000)	
TỔNG CỘNG	20.027.023.219	(2.959.545.000)	20.027.023.219	(2.959.545.000)	

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	32,67	4.631.843.219	32,67	4.631.843.219	32,67	4.631.843.219

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

VND
Công ty Cổ phần
Phú Mỹ

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm và số cuối năm

4.341.000.000

Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm và số cuối năm

290.843.219

Giá trị còn lại:

Số đầu năm và số cuối năm

4.631.843.219

23

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (*)	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt A (*)	207.701	3.998.050.000	207.701	3.998.050.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (**)	25.266	1.269.730.000	25.266	1.269.730.000
TỔNG CỘNG	15.395.180.000	(2.959.545.000)	15.395.180.000	(2.959.545.000)

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do không có đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.278.993.200 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	156.121.487.404	145.538.165.671
- Desipro Pte. Ltd	51.799.778.485	36.602.108.047
- Công ty TNHH YKK Việt Nam	18.154.822.930	26.749.643.293
- Khác	86.166.885.989	82.186.414.331
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	891.848.554	97.996.826
TỔNG CỘNG	157.013.335.958	145.636.162.497

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Topo Designs	2.686.337.125	1.827.232.697
Seeland International A/S	-	4.643.580.506
Khác	436.947.088	925.074.272
TỔNG CỘNG	3.123.284.213	7.395.887.475

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.540.295.813	29.786.691.833	(49.515.219.324)	8.811.768.322
Thuế giá trị gia tăng	1.003.993.167	15.902.705.141	(16.131.239.769)	775.458.539
Thuế thu nhập cá nhân	3.805.300.452	3.809.522.819	(7.273.891.384)	340.931.887
Thuế khác	19.808.325	3.341.921.053	(3.076.969.891)	284.759.487
TỔNG CỘNG	33.369.397.757	52.840.840.846	(75.997.320.368)	10.212.918.235

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép năm	5.593.053.043	6.099.088.090
Chi phí phạt (Thuyết minh số 17)	1.207.500.000	-
Khác	1.401.862.019	2.443.148.093
TỔNG CỘNG	8.202.415.062	8.542.236.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông	4.499.857.479	-
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	1.772.518.875	2.137.348.069
Khác	699.713.000	1.361.632.753
TỔNG CỘNG	15.972.089.354	12.498.980.822

(*) Số dư thể hiện khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Duy Đức - Sài Gòn ("Duy Đức - Sài Gòn") theo hợp đồng số 02.18/HĐNT ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 9 tháng 3 năm 2020, Nhóm Công ty và Duy Đức - Sài Gòn đồng ý chấm dứt thực hiện hợp đồng số 02.18/HĐNT nêu trên và Nhóm Công ty phải hoàn trả số tiền Duy Đức - Sài Gòn đã đặt cọc là 9.000.000.000 VND và tiền lãi trên số tiền đã đặt cọc với lãi suất 7%/năm là 1.207.500.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (*)	324.653.343.590	1.418.549.453.411	(1.495.331.229.512)	651.681.516	248.523.249.005
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	320.439.343.590	1.418.549.453.411	(1.491.117.229.512)	651.681.516	248.523.249.005
	4.214.000.000	-	(4.214.000.000)	-	-
Vay dài hạn	13.695.500.000	-	(13.695.500.000)	-	-
Vay ngân hàng	13.695.500.000	-	(13.695.500.000)	-	-
TỔNG CỘNG	338.348.843.590	1.418.549.453.411	(1.509.026.729.512)	651.681.516	248.523.249.005

(*) Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn theo lãi suất thị trường nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	USD		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	245.753.637.065	10.583.705	Từ ngày 11 tháng 5 năm 2020 đến ngày 29 tháng 6 năm 2020	Vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Garmex Quảng Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	2.769.611.940	119.277	Ngày 25 tháng 6 năm 2020	Tin chấp
TỔNG CỘNG	248.523.249.005	10.702.982		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.466.837.861	16.967.850.415
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 21.1)	-	4.598.955.864
Sử dụng quỹ	(1.452.848.691)	(16.099.968.418)
Số cuối năm	<u>4.013.989.170</u>	<u>5.466.837.861</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư, phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802.989	69.103.911.012	780.632.166	320.280.382.839
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	120.936.297.241	(537.453.082)	120.398.844.159
Chi khen thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cán bộ chủ chốt	-	-	-	-	-	(8.242.082.053)	-	(8.242.082.053)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.598.955.864)	-	(4.598.955.864)
Cổ tức công bố	-	-	-	(721.819.087)	-	(46.519.080.000)	-	(46.519.080.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	(721.819.087)
Số cuối năm	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(1.193.786.099)	67.859.802.989	130.680.090.336	243.179.084	380.597.289.994
Năm nay								
Số đầu năm	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(1.193.786.099)	67.859.802.989	130.680.090.336	243.179.084	380.597.289.994
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	104.464.746.837	(15.705.503)	104.449.041.334
Cổ tức công bố	23.253.080.000	-	-	-	-	(23.253.080.000)	-	-
Chi khen thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cán bộ chủ chốt	-	-	-	-	-	(1.720.234.084)	-	(1.720.234.084)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	98.869.659	-	-	-	98.869.659
Số cuối năm	178.809.280.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(1.094.916.440)	67.859.802.989	210.171.523.089	227.473.581	483.424.966.903

29



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	155.556.200.000	155.556.200.000
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	23.253.080.000	-
Số cuối năm	178.809.280.000	155.556.200.000

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/NQ-HĐQT/2019 ngày 13 tháng 5 năm 2019, Công ty đã phát hành 2.325.308 cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2018 cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 155.556.200.000 VND lên 178.809.280.000 VND theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 2019.

21.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	23.253.080.000	46.519.080.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu	-	23.259.540.000
Tạm ứng cổ tức trong năm 2018: 1.500 VND/cổ phiếu	-	23.259.540.000
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2018	23.253.080.000	-
Cổ tức đã trả trong năm	23.257.536.325	46.513.353.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	4.456.325	46.513.353.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	23.253.080.000	-

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	17.880.928	15.555.620
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	17.880.928	15.555.620
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(49.260)	(49.260)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	17.831.668	15.506.360



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	104.464.746.837	120.936.297.241
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (*)	104.464.746.837	120.936.297.241
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	17.831.668	17.831.668
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.858	6.782
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.858	6.782

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm hiện tại.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.749.298.426.118	2.045.323.234.469
Doanh thu xuất khẩu	1.740.865.680.384	2.026.509.293.826
Doanh thu nội địa	8.432.745.734	18.813.940.643
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.527.441.135)	(6.422.642.213)
Hàng bán bị trả lại	(1.092.661.449)	(3.617.584.527)
Giảm giá hàng bán	(434.779.686)	-
Chiết khấu thương mại	-	(2.805.057.686)
DOANH THU THUẦN	1.747.770.984.983	2.038.900.592.256

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.739.192.707	10.047.728.516
Lãi tiền gửi	64.598.727	150.360.500
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	4.951.700.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.983.301.800
TỔNG CỘNG	6.803.791.434	17.133.090.816

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.458.093.153.042	1.663.808.612.006
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.337.722.664)	11.531.605.263
TỔNG CỘNG	1.454.755.430.378	1.675.340.217.269

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.935.437.715	12.516.726.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.833.178.412	10.059.439.642
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	(53.456.774)
TỔNG CỘNG	12.768.616.127	22.522.708.919



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	21.113.759.101	63.350.128.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.086.868.703	58.686.683.126
Chi phí khác	1.026.890.398	4.663.445.422
Chi phí quản lý doanh nghiệp	128.925.810.508	156.211.664.721
Chi phí nhân viên	94.597.027.277	120.997.067.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.876.197.093	14.756.443.380
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8.611.326.272	9.668.456.130
Chi phí khác	13.841.259.866	10.789.697.644
TỔNG CỘNG	150.039.569.609	219.561.793.269

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.371.536.686	2.912.862.156
Các khoản khác	1.371.536.686	2.912.862.156
Chi phí khác	(3.517.201.640)	(350.813.376)
Khoản phạt (*)	(1.207.500.000)	-
Các khoản khác	(2.309.701.640)	(350.813.376)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(2.145.664.954)	2.562.048.780

(*) Số năm nay thể hiện tiền lãi phạt theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 9 tháng 3 năm 2020 giữa Nhóm Công ty và Duy Đức - Sài Gòn (Thuyết minh số 17).

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	822.688.577.770	1.012.173.501.831
Chi phí nhân viên	510.478.498.549	531.645.567.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.868.195.361	300.035.807.733
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	27.211.767.831	28.434.461.223
Chi phí khác	19.652.824.163	23.867.591.848
TỔNG CỘNG	1.631.899.863.674	1.896.156.930.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- ▶ Thuế suất thuế TNDN của Công ty và Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long là 20% thu nhập chịu thuế.
- ▶ Công ty TNHH Garmex Quảng Nam ("Garmex Quảng Nam"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế. Garmex Quảng Nam được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2017) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Garmex Quảng Nam trong chín (9) năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng tại Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Đước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- ▶ Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm kể từ năm đầu tiên hoạt động (năm 2008) và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Tân Mỹ được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tân Mỹ trong bảy (7) năm tiếp theo.
- ▶ Blue Saigon LLC, công ty con của Garmex Quảng Nam, được thành lập tại Hoa Kỳ và có nghĩa vụ nộp thuế TNDN liên bang với thuế suất là 21% thu nhập chịu thuế và thuế TNDN tiểu bang tại mức thấp hơn giữa 8,84% thu nhập chịu thuế và 800 Đô la Mỹ.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.022.384.975	33.158.179.715
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	1.764.306.858	86.544.037
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	629.762.182	(12.181.712.297)
TỔNG CỘNG	30.416.454.015	21.063.011.455



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	134.865.495.349	141.461.855.614
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	26.157.267.110	25.443.184.870
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	281.712.190	216.174.773
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(63.146.149)	57.461.559
Thu nhập cổ tức	-	(4.042.560)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(350.942.245)	(197.079.444)
Dự phòng phải thu khó đòi	936.775.185	(5.239.316.558)
Dự phòng đầu tư tài chính	(1.708.046.125)	-
Lãi từ công ty liên kết	-	(58.168.644)
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	4.216.188.698	2.893.500.303
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.764.306.858	86.544.037
Thuế TNDN được miễn giảm	(817.661.507)	(2.135.246.881)
Chi phí thuế TNDN	30.416.454.015	21.063.011.455

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	1.993.818.349	1.400.000.000	593.818.349	1.400.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(689.857.733)	2.241.768.923	(2.931.626.656)	2.241.768.923
Dự phòng đầu tư tài chính	(1.210.422.074)	(2.918.468.199)	1.708.046.125	3.089.943.374
Chi phí lương phải trả	-	-	-	5.450.000.000
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	93.538.542	723.300.724		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(629.762.182)	12.181.712.297

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Bên liên quan	Phí vận chuyển	2.926.026.284	-
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Phí dịch vụ sử dụng cơ sở hạ tầng	707.627.520	875.089.906
			-	1.690.167.185



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Transimex	Bên liên quan	Phí vận chuyển	834.650.622	-
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	57.197.932	97.996.826
			891.848.554	97.996.826

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm kế toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	3.827.910.690	9.616.929.807

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	8.956.358,06	5.178.977,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 8.915.437 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT.2019 và số 33/NQ-HĐQT.2019 ngày 9 tháng 9 năm 2019.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 267.963.650.000 VND.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Thị Diễm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng

Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Đại diện pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3984 4822
- Số fax: (028) 3984 4746
- Website: www.garmexsaigon-gmc.com
- Email: headoffice@garmexjs.com

